

PHẠM VĂN TUYẾN (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN THỊ ĐÔNG (Chủ biên)
PHẠM ĐÌNH BÌNH – NGUYỄN HẢI KIÊN

Mĩ thuật

1

SÁCH GIÁO VIÊN

Cánh Diều

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 26/12/2018, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm Chương trình tổng thể cùng 27 chương trình môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có Chương trình môn Mĩ thuật. Đây là căn cứ để các cơ sở giáo dục quản lý và tổ chức dạy học, đánh giá kết quả giáo dục trong nhà trường phổ thông theo định hướng hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đồng thời, các chương trình này cũng là cơ sở để các Nhà xuất bản biên soạn sách giáo khoa và các tài liệu thiết yếu.

Bộ sách giáo khoa lớp 1 mang tên “Cánh Diều” gồm 8 môn học, được Nhà xuất bản Đại học Sư phạm và Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cùng Công ty Đầu tư Xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 4507/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2019.

Để tạo thuận lợi cho giáo viên trong tổ chức dạy học nội dung sách giáo khoa môn Mĩ thuật lớp 1 thuộc bộ sách Cánh Diều, chúng tôi biên soạn sách giáo viên môn Mĩ thuật lớp 1.

Nội dung cuốn sách gồm hai phần:

Phần một: Một số vấn đề chung về chương trình và phương pháp dạy học môn Mĩ thuật lớp 1.

- I. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực môn Mĩ thuật
- II. Yêu cầu cần đạt và nội dung môn Mĩ thuật lớp 1
- III. Phương pháp dạy học môn Mĩ thuật lớp 1
- IV. Thiết bị dạy học môn Mĩ thuật lớp 1
- V. Đánh giá kết quả giáo dục môn Mĩ thuật lớp 1

Phần hai: Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên và tổ chức dạy học sách giáo khoa môn Mĩ thuật lớp 1.

A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN

- I. Thời lượng dạy học

II. Cấu trúc chủ đề và bài học trong sách giáo khoa môn Mĩ thuật lớp 1

III. Quy trình tổ chức nội dung định hướng trong sách giáo viên môn Mĩ thuật lớp 1

B. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC SÁCH GIÁO KHOA MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

Chủ đề 1: Môn Mĩ thuật của em

Chủ đề 2: Màu sắc và chấm

Chủ đề 3: Sự thú vị của nét

Chủ đề 4: Sáng tạo với chấm, nét, màu sắc

Chủ đề 5: Sáng tạo với các hình cơ bản, lá cây

Chủ đề 6: Những hình khối khác nhau

Chủ đề 7: Trường học yêu thương

Trong quá trình biên soạn không thể tránh khỏi thiếu sót, nhóm tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các giáo viên, cán bộ quản lí, các nhà chuyên môn và bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản.

Xin trân trọng cảm ơn!

Các tác giả

Cánh Diều

Phần một

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC MÔN MĨ THUẬT

1. Mục tiêu môn Mĩ thuật

Trong chương trình giáo dục phổ thông, môn Mĩ thuật được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Giai đoạn giáo dục cơ bản gồm: cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở; Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp có cấp trung học phổ thông.

Đối với cấp tiểu học, Mĩ thuật là môn học bắt buộc, được dạy từ lớp 1 đến lớp 5. Chương trình môn Mĩ thuật với mục tiêu giúp học sinh (HS) bước đầu hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật thông qua các hoạt động trải nghiệm; biết thể hiện cảm xúc, trí tưởng tượng về thế giới xung quanh, từ đó hình thành năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; bước đầu làm quen, tìm hiểu và cảm nhận về đẹp của sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật, hình thành năng lực tự chủ và tự học; góp phần hình thành các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2. Yêu cầu cần đạt

Môn Mĩ thuật nhằm góp phần hình thành và phát triển cho HS năm phẩm chất chủ yếu, được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể, đó là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, với mức độ phù hợp với lứa tuổi HS từng lớp.

Môn Mĩ thuật trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 thống nhất yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật ở ba cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông), với ba thành phần: Quan sát và nhận thức thẩm mĩ; Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ; Phân tích và đánh giá thẩm mĩ. Các thành phần năng lực đặc thù này là những biểu hiện của năng lực thẩm mĩ trong giáo dục mĩ thuật. Việc hình thành và phát triển các thành phần năng lực đặc thù này cho HS cũng chính là đã góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể, cũng như đóng góp vào hình thành, phát triển các năng lực

đặc thù khác như: năng lực ngôn ngữ, năng lực khoa học, năng lực tính toán, năng lực tin học, năng lực công nghệ,...

Chương trình môn Mỹ thuật quy định yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù đối với HS tiểu học thông qua các biểu hiện sau:

2.1. Quan sát và nhận thức thẩm mỹ

– Quan sát thẩm mỹ

+ Nhận biết được một số yếu tố thẩm mỹ cơ bản trong đời sống và ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

+ Nhận biết được một số yếu tố tạo hình ở đối tượng thẩm mỹ.

+ Nhận biết được dấu hiệu của một số nguyên lý tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

– Nhận thức thẩm mỹ

+ Bước đầu cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mỹ.

+ Nhận biết được chủ đề của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

+ Bước đầu nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong đời sống.

+ Biết liên tưởng được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mỹ với thực hành sáng tạo.

2.2. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ

– Sáng tạo thẩm mỹ

+ Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ ở mức độ đơn giản.

+ Vận dụng được một số hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mỹ.

+ Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lý tạo hình trong thực hành sáng tạo ở mức độ đơn giản.

+ Sử dụng được một số công cụ, thiết bị trong thực hành sáng tạo.

– Ứng dụng thẩm mỹ

+ Biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo ở mức độ đơn giản.

+ Biết trưng bày, giới thiệu sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập.

+ Biết vận dụng sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.

2.3. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ

– Phân tích thẩm mỹ

+ Chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mỹ ở mức độ đơn giản.

- + Biết tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.
- + Mô tả được một số yếu tố, dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.
- *Đánh giá thẩm mĩ*
- + Bước đầu đánh giá được đối tượng thẩm mĩ thông qua một số yếu tố và nguyên lí tạo hình.
- + Bước đầu học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mĩ.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn Mĩ thuật trong chương trình lớp 1 tập trung vào một số thể loại mĩ thuật thuộc hai mạch nội dung Mĩ thuật tạo hình và Mĩ thuật ứng dụng, trong đó nền tảng kiến thức cơ bản dựa trên tiếp cận và làm quen một số yếu tố và nguyên lí tạo hình, thông qua kết hợp các hoạt động thực hành, thảo luận dựa trên định hướng những chủ đề gắn với đời sống thực tiễn. Theo đó, các yêu cầu cần đạt và nội dung môn Mĩ thuật lớp 1 cụ thể như sau:

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:</i> – Biết được mĩ thuật có ở xung quanh. – Biết được một số đồ dùng, màu vẽ và vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo. – Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:</i> – Đọc được tên một số màu trong thực hành, sáng tạo. – Tạo được chấm bằng nhiều cách khác nhau, biết sử dụng chấm trong tạo hình và trang trí sản phẩm. – Tạo được một số loại nét khác nhau, biết sử dụng nét để mô phỏng đối tượng.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình:</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình:</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại:</i> Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mĩ thuật. – Hội hoạ. – Đồ hoạ (tranh in). – Điêu khắc.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG
– Tạo được hình, khối dạng cơ bản. – Sử dụng được vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo. – Sắp xếp được sản phẩm của cá nhân tạo thành sản phẩm nhóm học tập. – Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, đất nặn, giấy màu,... trong thực hành, sáng tạo. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Trưng bày và nêu được tên sản phẩm, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của cá nhân, của bạn bè. – Nêu được tên một số màu; bước đầu mô tả, chia sẻ được cảm nhận về hình ảnh chính ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.	Hoạt động thực hành và thảo luận: Thực hành: – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. Thảo luận: Lựa chọn, kết hợp: – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của HS. Định hướng chủ đề: Lựa chọn, kết hợp: – Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường.
MỸ THUẬT ỨNG DỤNG	
Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: – Nêu được tên một số công cụ, vật liệu để thực hành, sáng tạo. – Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu ở sản phẩm thủ công. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: – Biết cách sử dụng công cụ phù hợp với vật liệu và an toàn trong thực hành, sáng tạo. – Thực hiện được các bước trong thực hành tạo ra sản phẩm. – Vận dụng được nét để tạo nên sản phẩm. – Tạo được sản phẩm từ vật liệu dạng hình, khối.	Yếu tố và nguyên lý tạo hình Lựa chọn, kết hợp: Yếu tố tạo hình: – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. Nguyên lý tạo hình: – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Thể loại: Thủ công Lựa chọn, kết hợp: – Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. – Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. – Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG
– Sử dụng được chấm, nét, màu sắc khác nhau để trang trí sản phẩm. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Trưng bày, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm. – Biết chia sẻ ý định sử dụng sản phẩm và bảo quản một số đồ dùng học tập.	Hoạt động thực hành và thảo luận <i>Thực hành:</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D. <i>Thảo luận:</i> Lựa chọn, kết hợp: – Sản phẩm thủ công. – Sản phẩm thực hành của HS. Định hướng chủ đề Lựa chọn, kết hợp: – Đồ chơi, đồ dùng học tập.

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

Trong quá trình tổ chức dạy học môn Mĩ thuật lớp 1, giáo viên (GV) có thể sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học thích hợp với những nội dung, địa điểm và không gian khác nhau. Cần chú trọng lồng ghép, tích hợp nội dung lí thuyết trong thực hành, thảo luận; kết hợp kiến thức, kĩ năng của môn Mĩ thuật với kiến thức, kĩ năng của một số môn học, hoạt động giáo dục khác (Ví dụ: Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Toán, Âm nhạc,...) một cách phù hợp, thiết thực. Chú trọng dạy học trải nghiệm, dạy học tích hợp, dạy học mở, vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm, kích thích HS: *Sáng tạo từ quan sát; Sáng tạo từ trí nhớ; Sáng tạo từ tưởng tượng*. Đồng thời, chú ý đến phong cách học của từng HS trong lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học⁽¹⁾:

- Phong cách học toàn diện: HS thường chú ý đến cái chung, tổng thể và sự khái quát trước khi đi vào chi tiết. Những HS này thường thích làm việc theo nhóm, trong một không gian mở, hấp dẫn và không khí vui vẻ.

⁽¹⁾ Theo lí thuyết giáo dục về giảng dạy Mĩ thuật của tác giả Kirster Fugl, Đại học Sealand – Đan Mạch, 2009 và Tài liệu dạy học Mĩ thuật dành cho giáo viên tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án SAEPS, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016.

– Phong cách học theo thứ tự: HS thích tìm hiểu thông tin theo từng bước, từ chi tiết đến tổng thể thống nhất; muốn những thông tin được trình bày theo một chuỗi trình tự và thích có sự xác định thứ tự trước sau rõ ràng cũng như mức độ ưu tiên. Những HS này thường muốn làm việc một mình, trong một không gian yên tĩnh.

– Phong cách học linh hoạt: HS thường biết điều chỉnh cách học của mình thích ứng với hoàn cảnh. Các em có khả năng kết hợp, xen kẽ giữa hai phong cách với nhau: (phong cách học toàn diện và phong cách học theo chuỗi tiến trình) để thích ứng với môi trường và thích ứng với những con người trong tình huống học.

Bên cạnh đó, các phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học cần tạo cơ hội để HS được học tập bằng nhiều cách thức hoạt động, thông qua các giác quan trong việc làm thích ứng thông tin:

- Giác quan thính giác: HS học tốt hơn bằng cách lắng nghe và thảo luận.
- Giác quan thị giác: HS học tốt hơn thông qua nhìn/quan sát đối tượng.
- Giác quan xúc giác: HS học tốt hơn khi làm việc bằng đôi tay của mình trong các hoạt động thực hành.
- Giác quan vận động: Phát triển cơ thể là một phần của quá trình học. HS học tốt hơn khi vận động cơ thể trong những tình huống cụ thể.

Dưới đây là một số phương pháp và kĩ thuật dạy học không chỉ đặc trưng trong giáo dục mỹ thuật mà còn phổ biến trong giáo dục nói chung, có tác dụng phát huy tính tích cực, chủ động; kích thích hứng thú, thúc đẩy nhận thức và phát triển khả năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo ở HS; giúp các em hình thành, phát triển năng lực đặc thù của môn học; cũng như góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất, năng lực chung và đóng góp vào hình thành các năng lực đặc thù khác dựa trên quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

1. Một số phương pháp dạy học

1.1. Phương pháp quan sát

1.1.1. Bản chất

Phương pháp quan sát là phương pháp trong đó GV tổ chức HS sử dụng giác quan để quan sát đối tượng, giúp các em thu thập thông tin và hình thành hiểu biết cần thiết về đối tượng.

Đối với dạy học mỹ thuật, quan sát đối tượng thẩm mĩ là hoạt động được diễn ra thường xuyên trong quá trình học tập (thực hành sáng tạo, thảo luận, đánh giá,...); do vậy, quan sát là một trong các thành tố góp phần phát triển nhận thức, bồi dưỡng khả năng cảm thụ thẩm mĩ ở HS; cũng như kích thích HS hình thành ý tưởng thẩm mĩ cho thực hành sáng tạo và ứng dụng thực tiễn.

1.1.2. Đặc điểm của hoạt động quan sát trong dạy học mỹ thuật

Trong dạy học mỹ thuật, HS thực hiện hoạt động quan sát khi GV trình bày đồ dùng trực quan, sử dụng phương tiện dạy học trong tổ chức các hoạt động: thực hành, thảo luận, nhận xét, chia sẻ cảm nhận,... và đánh giá kết quả học tập.

Quan sát trong dạy học mỹ thuật cần tiến hành từ bao quát đến cụ thể, từ tổng quát đến chi tiết, từ cái chung đến cái riêng và luôn nhận xét, so sánh, đối chiếu, rút ra kết luận. Quan sát gắn với tư duy, quan sát vừa là điều kiện, vừa là kết quả của quá trình học – thực hành mỹ thuật, sáng tạo và đánh giá thẩm mỹ. Tuy nhiên, trong dạy học mỹ thuật lớp 1, GV cần căn cứ vào yêu cầu cần đạt cũng như nội dung dạy học cụ thể để tổ chức hoạt động quan sát và đưa ra yêu cầu, nhiệm vụ quan sát phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi của HS và đối tượng quan sát.

1.1.3. Quy trình thực hiện

– Lựa chọn đối tượng quan sát:

GV cần căn cứ vào yêu cầu cần đạt, nội dung dạy học và khả năng tổ chức lớp học của bản thân để lựa chọn đối tượng quan sát phù hợp với mức độ nhận thức của HS và điều kiện dạy học thực tiễn. Đối tượng quan sát thường sử dụng trong dạy học mỹ thuật là các hình ảnh trong tự nhiên, đời sống và các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

– Xác định mục đích quan sát:

Trong quá trình quan sát, không phải lúc nào HS cũng thu nhận được thông tin về đối tượng. Vì vậy, với mỗi đối tượng thẩm mỹ, GV cần xác định rõ ràng, cụ thể mục đích của việc quan sát để đưa ra nhiệm vụ quan sát cho HS.

– Tổ chức và hướng dẫn HS quan sát:

Tùy vào nội dung, mục đích quan sát và điều kiện dạy học thực tiễn, GV có thể tổ chức cho HS quan sát cá nhân, theo nhóm hoặc toàn lớp. Kết hợp hướng dẫn, gợi mở các em huy động các giác quan trong quan sát, cảm nhận về đối tượng; tạo điều kiện và khuyến khích HS quan sát các hoạt động thực tiễn trong nhà trường và đời sống xung quanh. Đồng thời, cần phối hợp, sử dụng các phương pháp, hình thức dạy học khác, như: vấn đáp, thảo luận, liên hệ thực tế, sử dụng tình huống có vấn đề,... một cách phù hợp và hiệu quả ở những thời điểm, nội dung dạy học cụ thể trong tiến trình giáo dục.

– Tổ chức cho HS chia sẻ thông tin thu nhận được về đối tượng quan sát:

GV có thể tổ chức cho HS trình bày thông tin, chia sẻ cảm nhận của mình hoặc của nhóm,... dựa trên nội dung và cách thức GV tổ chức quan sát.

1.1.4. Ví dụ minh họa

Quan sát là hoạt động chủ đạo trong học mỹ thuật và được thực hiện trong toàn bộ quá trình dạy – học ở mỗi bài học như: quan sát đối tượng để rút ra nhận thức; quan sát để tìm hiểu, khám phá cách thực hành, chia sẻ ý kiến, bày tỏ cảm nhận, nhận xét, đánh giá,...

1.1.5. Một số lưu ý

Dạy học mỹ thuật cần bồi dưỡng cho HS cách quan sát làm cơ sở để HS phát triển nhận thức, vận dụng thực hành sáng tạo và đánh giá thẩm mỹ dựa trên những đặc thù của môn học, hướng đến những giá trị chuẩn mực chung của xã hội, của cuộc sống.

1.2. Phương pháp trực quan

1.2.1. Bản chất

Phương pháp trực quan là phương pháp GV sử dụng những đồ dùng trực quan, phương tiện kỹ thuật hỗ trợ trong quá trình dạy học.

Sử dụng phương pháp trực quan sẽ giúp HS huy động được sự tham gia của nhiều giác quan vào quá trình nhận thức; đồng thời, kích thích hứng thú, sự tập trung và khơi gợi trí tò mò, thích tìm hiểu, khám phá của HS vào hoạt động học tập; nhờ đó giúp các em phát triển tư duy, trí tưởng tượng hình ảnh, khả năng phát hiện vấn đề, phát triển nhận thức, hình thành ý tưởng thẩm mỹ.

1.2.2. Đặc điểm của đồ dùng trực quan trong dạy học mỹ thuật

Tổ chức dạy học thông qua đồ dùng trực quan là một trong những đặc trưng cơ bản của dạy học mỹ thuật nói chung, đặc biệt là dạy học mỹ thuật cấp tiểu học.

Trong dạy học mỹ thuật, đồ dùng trực quan thường là những hình ảnh, tranh, đồ dùng, vật mẫu, hình minh họa, video clip,... do GV, HS, phụ huynh HS (nếu có thể) tự làm hoặc sưu tầm. Phương tiện kỹ thuật là hệ thống thiết bị hỗ trợ dạy học như: máy chiếu, máy tính, máy ảnh,... dùng để chuyển tải, lưu giữ,... các hình ảnh trực quan, minh họa nội dung,... làm tăng sự chú ý của HS và tăng hiệu quả trong dạy học.

Mỗi đồ dùng trực quan như hình ảnh trong tự nhiên, trong đời sống,... được sử dụng trong dạy học mỹ thuật đều chứa đựng lượng kiến thức nhất định về mỹ thuật, cũng như chứa đựng những thông tin, những tri thức về đời sống, văn hoá, xã hội.

1.2.3. Quy trình thực hiện

GV có thể vận dụng linh hoạt các hoạt động sau:

– Lựa chọn đồ dùng trực quan, phương tiện kỹ thuật.

Đây là khâu chuẩn bị của GV (có thể hướng dẫn HS cùng chuẩn bị) trước khi lên lớp tiến hành tổ chức các hoạt động dạy – học. Việc chuẩn bị này cần lưu ý một số vấn đề sau:

- + Căn cứ vào nội dung, kiến thức bài học để lựa chọn, phân loại đồ dùng trực quan, ví dụ: đồ dùng trực quan để minh họa, củng cố, giải thích hay dùng để khai thác, cung cấp kiến thức mới, rèn luyện kỹ năng, bồi dưỡng phẩm chất,...

- + Đồ dùng trực quan được lựa chọn cần bảo đảm tính khoa học, tính thẩm mỹ và an toàn trong tổ chức dạy học; đồng thời mang tính đặc trưng, điển hình và phù hợp với phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, điều kiện dạy học thực tiễn.

- + Đối với dạy học môn Mĩ thuật lớp 1, GV cần lựa chọn những đồ dùng trực quan có hình dạng, cấu trúc, đường nét, màu sắc,... đơn giản, gần gũi trong đời sống và môi trường xung quanh; bảo đảm minh họa rõ ràng cho nội dung dạy học cũng như yêu cầu cần đạt, giúp HS dễ hiểu, dễ tiếp cận; kích thích sự hứng thú học tập, thực hành sáng tạo và gợi mở liên hệ với thực tiễn.

- Tổ chức dạy học:

- + Giới thiệu đồ dùng trực quan và tổ chức cho HS quan sát đồng thời giao nhiệm vụ học tập: Tùy vào loại đồ dùng trực quan (tranh, ảnh, vật thật, mô hình,...) và nội dung, mục đích dạy học để lựa chọn cách giới thiệu phù hợp với không gian lớp học (treo, dán trên bảng; trình chiếu thông qua phương tiện kĩ thuật; đặt trên bục hoặc tại vị trí các nhóm học tập,...) và bảo đảm tất cả HS đều quan sát, thực hiện được nhiệm vụ dựa trên đồ dùng trực quan.

- + Tổ chức cho HS chia sẻ thông tin thu nhận được thông qua đồ dùng trực quan: GV có thể tổ chức cho cá nhân HS hoặc đại diện nhóm học tập trình bày, chia sẻ thông tin thu nhận được dựa trên nhiệm vụ học tập và đồ dùng trực quan.

- + Tóm lược thông tin từ đồ dùng trực quan, rút ra kết luận: Dựa trên những trình bày, chia sẻ của HS, GV tóm lược, gợi mở, nêu vấn đề, giảng giải, thị phạm minh họa,... giúp HS hiểu biết về vấn đề học tập (kiến thức, kỹ năng,...) một cách rõ ràng và cụ thể hơn.

1.2.4. Ví dụ minh họa

Nội dung sách giáo khoa (SGK) Mĩ thuật lớp 1 ưu tiên sử dụng kênh hình làm trọng tâm, do vậy các hình ảnh trực quan như: sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, công cụ, vật liệu, họa phẩm, minh họa hướng dẫn cách thực hành,... được sử dụng ở tất cả các hoạt động học tập trong mỗi bài học, như: *Quan sát, nhận biết; Thực hành, sáng tạo; Cảm nhận, chia sẻ; Vận dụng.*

1.2.5. Một số lưu ý

Trong tổ chức dạy học, để tạo sự phong phú, đa dạng về đồ dùng trực quan, ngoài các hình ảnh minh họa giới thiệu trong SGK, GV cần chủ động sưu tầm hoặc tự làm, chuẩn bị đồ dùng trực quan trên cơ sở bảo đảm đáp ứng được yêu cầu cần đạt, phù hợp với nội dung giáo dục và ý tưởng dạy học; đồng thời, GV nên khuyến khích, động viên và giao nhiệm vụ cụ thể cho HS/nhóm HS cùng chuẩn bị, sưu tầm dựa trên điều kiện thực tiễn; cũng như tăng cường khai thác các nguồn lực sẵn có ở địa phương, như tư liệu (tranh, ảnh, di sản văn hoá nghệ thuật,...) và vật liệu, chất liệu,... làm đồ dùng trực quan; kết hợp tư vấn, tham mưu với nhà trường, địa phương trong việc thiết kế, tạo lập các đồ dùng trực quan, công cụ thực hành, mua sắm các thiết bị hỗ trợ dạy học,...

Trong sử dụng và hướng dẫn HS làm việc với đồ dùng trực quan, GV không nên xem đó là những khuôn mẫu và yêu cầu HS tuân thủ thực hiện; cần đảm bảo các nguyên tắc sử dụng như: đúng mục đích, đúng lúc, đúng chỗ; đúng tốc độ và cường độ,... Đồng thời, cần kết hợp vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học như: quan sát, gợi mở – vấn đáp, thảo luận trên lớp, thuyết minh, giải thích,... làm cho mỗi đồ dùng trực quan không chỉ tác động trực tiếp đến tri giác và nhận thức của HS, mà còn tạo sự tương tác giữa GV với HS, giữa HS với HS trong quá trình dạy học.

1.3. Phương pháp dạy học kết hợp lồng ghép thảo luận và thực hành nghệ thuật

1.3.1. Bản chất

Dạy học kết hợp lồng ghép thảo luận và thực hành nghệ thuật trong tổ chức dạy học mỹ thuật là một trong những điểm mới trong đổi mới phương pháp giáo dục của Chương trình môn Mỹ thuật 2018.

Dạy học kết hợp lồng ghép thảo luận và thực hành nghệ thuật là hình thức tổ chức cho HS kết hợp học tập cá nhân với học tập hợp tác trong luyện tập, thực hành sáng tạo và trao đổi, thảo luận. Quá trình học tập này bổ sung cho nhau để làm sâu sắc hơn việc học mỹ thuật của HS.

Theo đó, tham gia vào hoạt động thảo luận kết hợp thực hành, HS đồng thời vừa là người sáng tạo nghệ thuật, vừa là người thưởng thức nghệ thuật; giúp các em phát triển khả năng cảm thụ thẩm mỹ và nuôi dưỡng tình yêu nghệ thuật, cuộc sống.

1.3.2. Đặc trưng của hoạt động kết hợp lồng ghép thảo luận và thực hành nghệ thuật

a) Thảo luận nghệ thuật

Tham gia thảo luận nghệ thuật là hình thức học tập hợp tác giúp HS:

– Nhận biết, quan sát, suy nghĩ và nói chuyện về sản phẩm của chính các em và quá trình thực hành.

– Có cơ hội được tiếp cận và trao đổi về các tác phẩm của nghệ sĩ và sự sáng tạo của họ.

– Có thể khám phá, phát triển nhận thức, kỹ năng và tạo ra các ý tưởng cho sáng tạo nghệ thuật.

– Học cách mô tả, phân tích, giải thích và đánh giá hình ảnh trong các hình thức khác nhau.

– Phát triển đánh giá đối với nghệ thuật và hiểu biết vai trò của nghệ thuật trong đời sống xã hội.

– Phát triển khả năng phản biện thẩm mỹ và giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề.

b) Sáng tạo nghệ thuật

Tham gia vào quá trình thực hành sáng tạo nghệ thuật giúp HS:

– Tạo ra được các sản phẩm mỹ thuật biểu đạt cảm xúc, suy nghĩ, thể hiện sự hiểu biết và ý tưởng của mình theo các hình thức khác nhau.

– Có cơ hội tìm tòi, thử nghiệm nhiều hình thức, chất liệu,... phương pháp thực hành khác nhau.

– Có thể học hỏi kinh nghiệm, học tập những ý tưởng khác nhau.

– Phát triển hiểu biết về nghệ thuật, tổ chức thông tin, thu nhận được giải quyết vấn đề và quyết định những gì và làm thế nào tốt nhất để thể hiện thông qua các sản phẩm của mình/của nhóm học tập.

1.3.3. Quy trình thực hiện

Trong tổ chức HS thảo luận kết hợp thực hành sáng tạo, GV linh hoạt vận dụng cách thức tổ chức dạy học như sau:

– Bố trí HS theo nhóm học tập, tùy vào nội dung và yêu cầu cần đạt để tổ chức HS thực hành tạo sản phẩm cá nhân hoặc phối hợp tạo sản phẩm nhóm.

– Giao nhiệm vụ thực hành cho cá nhân, nhóm; gợi mở nội dung trao đổi, thảo luận, chia sẻ, nêu vấn đề,... giữa các thành viên ở mỗi nhóm khi thực hành.

– Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng mức độ làm việc của các thành viên trong nhóm và giữa các nhóm với nhau, dựa trên nhiệm vụ học tập và yêu cầu cần đạt của bài học.

1.3.4. Ví dụ minh họa

Định hướng nội dung trao đổi, thảo luận,... cho HS trong tiến trình dạy học. Ví dụ: Em đã nhìn thấy những loài thực vật, động vật nào trong thiên nhiên? Em có thể vẽ tranh về thiên nhiên theo cách nào dưới đây?... (Bài 8: *Thiên nhiên quanh em*);

Em sẽ sáng tạo hình ảnh gì từ lá cây? Sản phẩm được tạo từ lá cây nào?... (Bài 11: *Tạo hình với lá cây*);...

1.3.5. Một số lưu ý

– Trong tổ chức dạy học mỹ thuật, cần coi trọng tổ chức phương pháp này nhằm tích cực hoá hoạt động học tập, thực hành của HS.

– Các nội dung gợi mở, định hướng cho HS thảo luận cần gắn với mục tiêu, yêu cầu cần đạt trong nội dung thực hành, sáng tạo của bài học.

– GV cần nắm được mức độ tham gia thảo luận, trao đổi, chia sẻ thông tin, học hỏi kinh nghiệm,... và khả năng hợp tác của HS trong lớp để kịp thời động viên, khích lệ và hướng dẫn, hỗ trợ các em hoặc sử dụng tình huống có vấn đề thử thách HS vượt qua dựa trên mức độ thực hiện nhiệm vụ của HS, giúp HS từng bước phát triển học tập và đáp ứng yêu cầu cần đạt đã đặt ra.

Đặc trưng của tổ chức dạy học kết hợp thảo luận và thực hành là thông qua hoạt động nhóm học tập, do vậy GV cần khai thác, vận dụng hiệu quả phương pháp tổ chức nhóm học tập (phương pháp dạy học hợp tác) trong tổ chức học hoạt động thực hành và thảo luận cho HS.

Đồng thời, cần kết hợp, vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức và các kĩ thuật dạy học như: phương pháp quan sát; phương pháp trực quan; phương pháp gợi mở – vấn đáp, nêu vấn đề, sử dụng tình huống có vấn đề, liên hệ thực tiễn; phương pháp trò chơi học tập, dạy học trải nghiệm,...; kĩ thuật động não; kĩ thuật khăn phủ bàn; kĩ thuật sơ đồ tư duy; kĩ thuật tia chớp; kĩ thuật ủng hộ, tranh luận và phản hồi; kĩ thuật bể cá;... cũng như có thể vận dụng một số hình thức tổ chức hoạt động sáng tạo cho HS từ dự án “Hỗ trợ giáo dục Mỹ thuật tiểu học SAEPS” như: Vẽ cùng nhau và sáng tạo câu chuyện, xây dựng cốt truyện,...

1.4. Phương pháp tổ chức trò chơi trong học tập

1.4.1. Bản chất

Trò chơi học tập là hoạt động kết hợp hoạt động học và hoạt động chơi của HS được diễn ra theo trình tự. Nội dung và cách thức chơi gắn với yêu cầu cần đạt của bài học/hoạt động dạy học cụ thể. Trò chơi học tập thường diễn ra trong thời gian, không gian nhất định của một giờ học và mọi HS đều thu nhận được những nội dung học tập chứa đựng trong trò chơi phù hợp với trình độ và lứa tuổi.

Tổ chức trò chơi học tập giúp HS thay đổi trạng thái, cách thức học tập; tạo không khí học tập vui vẻ, thân thiện, thúc đẩy hứng thú và phát triển tâm lí học tập thoải mái ở HS; giúp các em mạnh dạn, tự tin, thể hiện tinh thần đoàn kết, hợp tác, ý thức trách nhiệm, tôn trọng kỉ luật trong hoạt động chơi và học; nhờ đó làm tăng hiệu quả học tập ở HS.

1.4.2. Đặc trưng tổ chức trò chơi trong dạy học mỹ thuật

Nội dung học tập mỹ thuật luôn gắn lí thuyết với thực hành, sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, do vậy, trò chơi học tập có thể kết hợp, đan xen trong toàn bộ quá trình dạy học. Ví dụ:

- Tổ chức trò chơi khởi động, giới thiệu bài học.
- Tổ chức trò chơi khám phá *Những điều mới mẻ* (theo từng nội dung, hoạt động học tập).
- Trò chơi khám phá nội dung *Vận dụng* (nếu thực hiện nội dung này trên lớp).

1.4.3. Quy trình thực hiện

- GV giới thiệu trò chơi: tên, cách chơi, luật chơi, thời gian, địa điểm chơi và một số yêu cầu cụ thể khác (nếu có).
- Tổ chức cho HS chơi thử (nếu cần thiết).
- Tổ chức cho HS tiến hành chơi thật.
- Sau khi trò chơi kết thúc, GV cùng HS tổng kết, đánh giá kết quả dựa trên nhiệm vụ học tập và động viên, khích lệ HS tiếp tục phát huy.
- Tổ chức cho HS chia sẻ cảm nhận về trò chơi, liên hệ nội dung bài học đã đối chiếu với yêu cầu cần đạt.

1.4.4. Ví dụ minh họa: Trò chơi “Hộp giấy bí mật” (Bài 14: *Đồ dùng học tập thân quen*, phần khởi động, giới thiệu bài).

1.4.5. Một số lưu ý

- Trò chơi học tập phải dễ tổ chức và thực hiện, phù hợp với chủ đề bài học cũng như đặc điểm và trình độ HS lớp 1; phù hợp với quỹ thời gian và điều kiện thực tế của lớp học, đồng thời không gây nguy hiểm cho HS.
- Tổ chức trò chơi học tập cần phải có mục đích rõ ràng; nội dung trò chơi phải gắn với sự hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật và góp phần bồi dưỡng phẩm chất, hình thành phát triển các năng chung và năng lực đặc thù phù hợp với bài học, môn học của học sinh.
- Để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, GV cần tạo điều kiện và khích lệ HS tham gia tổ chức, điều khiển tất cả các khâu (hoặc một số khâu của trò chơi) như: chuẩn bị, tiến hành trò chơi, đánh giá sau khi chơi.
- Trò chơi phải được tổ chức luân phiên và thay đổi hợp lí để không gây nhàm chán cho HS.
- Không đặt vấn đề thắng/thua giữa các đội/nhóm.

– Tổ chức trò chơi cho HS cần quan tâm tới các yếu tố phong tục, tập quán của địa phương làm cho hoạt động chơi giàu ý nghĩa hơn trong nhận thức và giúp các em thể hiện tình cảm, tình yêu quê hương, đất nước.

– Tổ chức trò chơi học tập cần kết hợp vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức dạy học như: quan sát, trực quan, làm việc nhóm, kể chuyện, sắm vai, biểu đạt ngôn ngữ cơ thể,... một số kĩ thuật dạy học như: kĩ thuật học tập hợp tác, tia chớp, sơ đồ tư duy,... Ngoài ra, GV có thể vận dụng một số hình thức hoạt động thực hành sáng tạo từ Dự án SAEPS như: xây dựng cốt truyện, vẽ cùng nhau và sáng tạo câu chuyện,...

2. Một số kĩ thuật dạy học

2.1. Kĩ thuật động não (công não)

Kĩ thuật động não nhằm huy động những ý tưởng mới mẻ, độc đáo của các thành viên khi nhóm thảo luận về một chủ đề, nội dung học tập hoặc tìm phương án giải quyết, thu thập khả năng lựa chọn và ý nghĩa khác nhau,...

Kĩ thuật động não có hai hình thức: động não viết và động não công khai.

Trong tổ chức dạy học vận dụng kĩ thuật động não, GV cần xác định nội dung học tập cụ thể cho mỗi nhóm. Sau khi mỗi thành viên nêu ý kiến, ý tưởng, cả nhóm cùng thảo luận, thống nhất và trình bày hoặc thực hiện.

Lưu ý:

- Không đánh giá, phê phán khi HS trình bày ý tưởng.
- Cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng.
- Khuyến khích số lượng các ý tưởng.
- Trong tổ chức, nếu GV thiếu sự bao quát và đưa ra chủ đề thảo luận không rõ ràng, sẽ dễ dẫn đến các ý kiến tản mạn, thiếu tập trung và đôi khi có thể lạc đề.

2.2. Kĩ thuật khăn phủ bàn (khăn trải bàn)

Kĩ thuật khăn phủ bàn là kĩ thuật tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác, kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm, nhằm:

- Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực.
- Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của mỗi cá nhân HS.
- Phát triển mô hình học tập có sự tương tác giữa HS với HS, giữa cá nhân với nhóm.
- Rèn kĩ năng suy nghĩ, quyết định và giải quyết vấn đề.
- HS đạt được mục đích học tập cá nhân cũng như hợp tác.

– Nâng cao mối quan hệ giữa HS, tăng cường sự hợp tác, giao tiếp; giúp HS học cách chia sẻ kinh nghiệm và tôn trọng lẫn nhau, góp phần nâng cao hiệu quả học tập.

Tuỳ theo số lượng các thành viên trong nhóm và nhiệm vụ học tập, GV có thể tổ chức cho HS cùng chia sẻ thông tin và thống nhất trên một khuôn khổ giấy (khăn phủ bàn). Hoặc GV có thể phát cho HS những mảnh giấy nhỏ (mảnh khăn phủ bàn nhỏ) để ghi ý kiến của cá nhân, sau đó các thành viên trong nhóm cùng thảo luận, thống nhất và có thể ghi chép lại trên những công cụ, vật liệu thích hợp (bảng, giấy, sổ,...). GV cần lưu ý, nội dung hoặc câu hỏi thảo luận là nội dung hoặc câu hỏi mở.

2.3. Kỹ thuật tia chớp

Kỹ thuật tia chớp là kỹ thuật huy động sự tham gia của các thành viên đối với một câu hỏi hoặc vấn đề nào đó, hoặc tiếp thu thông tin phản hồi về nội dung học tập, thông qua việc các thành viên lần lượt nêu ngắn gọn và nhanh chóng ý kiến của mình về câu hỏi hoặc/vấn đề,...

Kỹ thuật tia chớp thường được sử dụng trong hoạt động nhóm hoặc toàn lớp, có thể áp dụng ở bất kì thời điểm nào của tiết học với các mục đích khác nhau như: củng cố bài, tổ chức trò chơi, phát hiện vấn đề,...

Tổ chức dạy học thông qua kỹ thuật tia chớp thường thực hiện như sau:

– GV hoặc HS: Nêu nhiệm vụ học tập, cách thực hiện và đánh giá.

– GV hoặc HS: Giới thiệu nội dung học tập (hình ảnh trực quan, vật mẫu, mô hình,...).

– GV hoặc HS: Tổ chức nhóm/lớp quan sát, thảo luận và nêu ý kiến nhanh (trả lời câu hỏi hoặc giải thích,...).

– GV hoặc HS: Tóm lược nội dung học tập (chốt kiến thức, kỹ năng,...) thông qua hoạt động.

– GV cần xác định rõ mục đích sử dụng kỹ thuật (giới thiệu bài hay nhận biết, củng cố kiến thức, kỹ năng,...).

Để đạt được hiệu quả mong đợi trong vận dụng kỹ thuật này, nội dung học tập đưa ra để HS tham gia thảo luận, phát hiện,... cần rõ ràng, cô đọng, giúp các em dễ nhận biết và có thể trả lời ngắn gọn; nếu thời gian tổ chức kéo dài, sẽ hạn chế hứng thú ở HS.

2.4. Kỹ thuật sơ đồ tư duy

Sơ đồ tư duy là kỹ thuật dạy học nhằm tổ chức và phát triển tư duy; đồng thời đây cũng là phương tiện ghi chép sáng tạo và hiệu quả giúp HS sắp xếp ý nghĩ. Kỹ thuật này giúp các em mở rộng, đào sâu và kết nối, bao quát được các ý tưởng trên một phạm vi về một vấn đề, nhiệm vụ hay một nội dung chủ đề/bài học cụ thể.

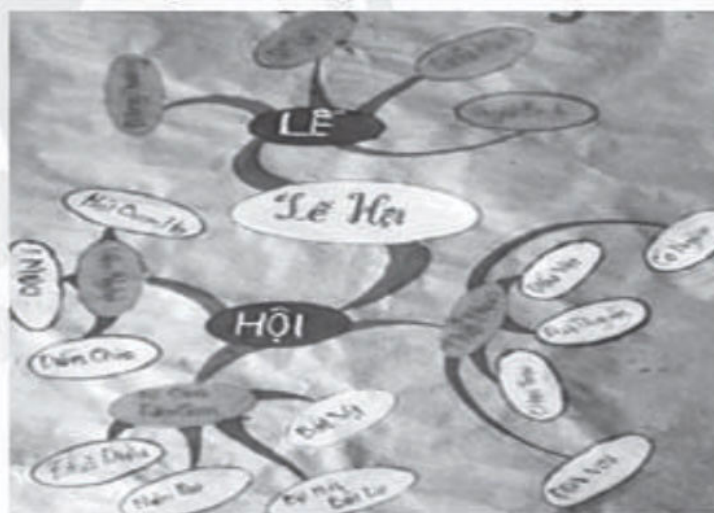
Kĩ thuật sơ đồ tư duy có thể có cách gọi khác, ví dụ: Lược đồ tư duy – Bản đồ tư duy – Bản đồ khái niệm.

Sơ đồ tư duy có thể trình bày trên giấy, trên bảng,... hay thực hiện trên máy tính trong hoạt động học tập cá nhân hoặc hoạt động học tập nhóm. Thông qua hoạt động này, HS có thể:

- Phát triển tư duy logic và khả năng phân tích tổng hợp.
- Dễ tiếp thu, thực hiện, nắm rõ nội dung và nhớ lâu.

Sơ đồ tư duy có thể ứng dụng trong nhiều nội dung dạy học khác nhau như: tóm tắt, ôn tập, trình bày tổng quan một chủ đề, chuẩn bị nội dung viết thu hoạch, sắp xếp ý tưởng thể hiện cho một chủ đề/đề tài, xây dựng kế hoạch học tập,...

Lập sơ đồ tư duy thường được xuất phát từ một chủ đề/nội dung khái quát/rộng (từ khoá cấp 1), từ đó tìm/xác định các nội dung cụ thể/hẹp của chủ đề/bài học (từ khoá cấp 2) và có thể tiếp tục xác định các nội dung khác/chỉ tiết liên quan đến chủ đề/bài học (từ khoá cấp 3, cấp 4,...). Sự sắp xếp này sẽ tạo ra một “bức tranh tổng quát” mô tả một cách đầy đủ, rõ ràng về nội dung bài học/chủ đề; làm cơ sở để HS thực hiện chủ đề/bài học, lựa chọn một vấn đề/một nội dung trong mỗi từ khoá (cấp 1, cấp 2, cấp 3,...) để tìm hiểu, giải quyết.



IV. THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

1. Phòng học bộ môn

– Ở những nơi có điều kiện thuận lợi, nhà trường có thể bố trí phòng dành riêng cho hoạt động dạy học mỹ thuật. Vị trí phòng học mỹ thuật cần tương đối độc lập với các phòng học khác trong nhà trường.

– Trang thiết bị trong phòng học:

- + Bàn ghế HS phù hợp với việc di chuyển trong lớp học.
- + Bảng vẽ cá nhân, dụng cụ để trưng bày sản phẩm mỹ thuật.
- + Bục đặt mẫu vẽ có thể điều chỉnh được kích thước khi cần thiết.

- + Giá vẽ có thể điều chỉnh kích thước phù hợp với chiều cao của từng HS.
- + Tủ, giá để lưu giữ sản phẩm thực hành và các dụng cụ, công cụ học tập.
- + Phương tiện hỗ trợ: máy tính, đèn chiếu (overhead), máy chiếu (projector),...

2. Đồ dùng dạy học mỹ thuật

- Khối cơ bản; sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật (nguyên mẫu hoặc ảnh chụp); tranh ảnh tư liệu mỹ thuật.
- Tranh ảnh, video clip minh họa kiến thức mỹ thuật (trong tự nhiên, đời sống).
- Đồ dùng cá nhân, đồ chơi, đồ dùng học tập,... (nguyên mẫu hoặc ảnh chụp).
- Hoa phẩm, công cụ, vật liệu sẵn có (màu vẽ, giấy thủ công, hồ dán, băng dính, lá cây, sợi dây, vỏ hộp giấy,...).

3. Tự làm và sưu tầm thiết bị, đồ dùng dạy học

3.1. Tác dụng của việc tự làm và sưu tầm đồ dùng dạy học trong dạy học mỹ thuật

- Gắn nội dung bài học với thực tiễn cuộc sống ở địa phương.
- Thể hiện sự sáng tạo, nhiệt tình của GV trong quá trình chuẩn bị dạy học.
- Tạo sự đa dạng, phong phú thêm cho nguồn thiết bị dạy học, phục vụ kịp thời cho nhu cầu dạy học.
- Việc tự làm đồ dùng, thiết bị phục vụ dạy học mỹ thuật cần được tiến hành một cách có kế hoạch, có nội dung cụ thể cho từng học kì, từng năm học.

3.2. Nguyên tắc thiết kế thiết bị, đồ dùng dạy học tự làm

- Phù hợp với đặc điểm và nguyên tắc dạy học môn học, chú trọng đến tính mục đích, góp phần giải quyết nhiệm vụ học tập của HS, mà không chỉ đơn thuần là minh họa cho bài học.
- Bảo đảm tính khoa học, tính thẩm mỹ, tính sư phạm, tính tiện lợi và an toàn.
- Đảm bảo phù hợp với tâm lí lứa tuổi và sự phát triển nhận thức của HS.
- Phù hợp với định hướng đổi mới phương pháp dạy học Mỹ thuật trong trường học.

3.3. Nguồn sưu tầm tư liệu, thiết kế thiết bị, đồ dùng dạy học mỹ thuật

- Sản phẩm in ấn, xuất bản: sách báo, tạp chí, tranh ảnh,...
- Sử dụng phương tiện công nghệ và truyền thông: máy tính, máy ảnh, điện thoại cá nhân,... (kết nối mạng Internet).
- Vận dụng nguồn tư liệu, vật liệu sẵn có ở địa phương: sản phẩm thủ công; tư liệu hình ảnh, hiện vật; đồ dùng tái chế; vật liệu từ nghề thủ công, sản xuất

nông nghiệp, công nghiệp; chất liệu (hoa phẩm,...). GV và nhà trường có thể huy động HS, phụ huynh HS và cộng đồng cùng tham gia công việc sưu tầm, thiết kế đồ dùng, thiết bị phục vụ dạy học mỹ thuật.

3.4. Quy trình thiết kế thiết bị, đồ dùng dạy học

- Phân tích nội dung chủ đề, yêu cầu cần đạt của bài học, chủ đề dạy học.
- Xây dựng kế hoạch bài học: phân tích tiến trình tổ chức, phương pháp dự kiến, xác định phương tiện, thiết bị cho mỗi hoạt động dạy học, điều kiện của lớp học có đảm bảo sử dụng được phương tiện hay không,...
- Chế tạo thiết bị, đồ dùng.
- Sử dụng thử nghiệm đảm bảo thiết bị, đồ dùng vận hành tốt, đạt được mục đích sử dụng. Ghi chép lại hướng dẫn sử dụng.

V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC MÔN MỸ THUẬT LỚP 1

1. Định hướng chung

– Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, thời lượng dành cho đánh giá định kì là 10%, các cơ sở giáo dục và GV chủ động bố trí trên cơ sở yêu cầu cần đạt và thực tế dạy học, cũng như phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung, hình thức tổ chức, thời điểm đánh giá (cuối kì 1, cuối kì 2, cuối năm học,...).

– Có thể vận dụng, kết hợp đánh giá thông qua một số hình thức như: ôn tập; nội dung bài test; bài thực hành cá nhân/nhóm; hoạt động trải nghiệm; trưng bày, thuyết trình, giới thiệu sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật; báo cáo kết quả dự án học tập,...

– Chú ý đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS trong học tập và những tình huống cụ thể trong thực tiễn, mức độ đơn giản.

– Không nên coi trọng mức độ HS hoàn thành sản phẩm (đặc biệt trong đánh giá thường xuyên), không nên so sánh giữa HS này với HS khác, hoặc giữa các nhóm HS.

– Đánh giá cần dựa trên năng lực và sự tiến bộ của mỗi HS hoặc nhóm HS trong quá trình học tập/thực hành, sáng tạo và thảo luận.

– Đánh giá để giúp HS cải thiện kết quả học tập, kích thích hứng thú và nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mĩ, tình yêu nghệ thuật; cũng như bảo đảm HS được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực mỹ thuật; hạn chế tối đa tính chủ quan, áp đặt của người đánh giá.

– *Kết hợp đánh giá định tính và đánh giá định lượng*, sử dụng công cụ đánh giá tin cậy, đảm bảo toàn diện, khách quan, chính xác; kết hợp, vận dụng linh hoạt các

phương pháp và hình thức đánh giá; quan tâm đến những HS có sự khác biệt so với các HS khác về tâm lí, sở thích, về khả năng và điều kiện tối thiểu học tập; thông tin cho HS biết về thời điểm, hình thức, công cụ và các tiêu chí đánh giá. Với cấp tiểu học, GV chủ yếu sử dụng đánh giá định tính.

– Để thống nhất với đổi mới phương pháp dạy học trong chương trình (lồng ghép, kết hợp hoạt động thực hành và thảo luận), trong đánh giá cần kết hợp đánh giá sản phẩm với nội dung bài viết (ít từ hoặc nhiều từ), ví dụ: viết lời giới thiệu, lời chia sẻ cảm nhận, giải thích, mô tả cách thực hiện, liên hệ tính ứng dụng của sản phẩm, tác phẩm,...

2. Mục tiêu

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục môn Mĩ thuật cấp tiểu học tuân thủ định hướng đánh giá trong Chương trình tổng thể và thống nhất với mục tiêu đánh giá của chương trình môn học ở cả ba cấp học, đó là: cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của từng HS; giúp HS làm quen với tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân và có khả năng điều chỉnh hoạt động học tập; giúp GV biết được những tiến bộ và hạn chế của HS, từ đó có hướng dẫn kịp thời cho HS và điều chỉnh kế hoạch, hoạt động dạy học một cách phù hợp; giúp nhà quản lí hiểu rõ chất lượng giáo dục, làm căn cứ để có những điều chỉnh và nâng cao chất lượng giáo dục; giúp cha mẹ HS hiểu rõ những tiến bộ của con và có những biện pháp phối hợp giáo dục với nhà trường. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của HS.

3. Nội dung và tiêu chí đánh giá

– Đánh giá kết quả giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất: Dựa trên quá trình và ý thức học tập của HS, trong đó cần xuất phát từ các phẩm chất và năng lực gắn với môn học như: chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,... bày tỏ cảm xúc, chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận, biểu hiện thái độ, hành vi ứng xử trước đối tượng thẩm mĩ; thể hiện niềm tự hào về truyền thống văn hoá nghệ thuật của quê hương, đất nước; thẳng thắn trong chia sẻ, nhận xét kết quả học tập, tôn trọng sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật của bạn bè và người khác; thể hiện ý thức làm đẹp cho bản thân và môi trường xung quanh,...

– Đánh giá kết quả hoạt động quan sát và nhận thức thẩm mĩ: Là đánh giá khả năng quan sát, tham gia thảo luận, nêu và phản hồi ý kiến; khả năng cảm thụ thẩm mĩ, thu nhận (đọc, hiểu) thông tin ở đối tượng quan sát; khả năng chia sẻ hiểu biết về nghệ thuật, liên hệ quan sát với trí nhớ, tưởng tượng và ý tưởng thực hành.

– Đánh giá kết quả hoạt động sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ: Dựa trên sản phẩm và quá trình thực hành kết hợp tham gia thảo luận của HS. Chú ý đánh giá sự chia sẻ

ý tưởng và sáng kiến thể hiện, khả năng lựa chọn và sử dụng hoạ phẩm, công cụ, vật liệu sẵn có,... khả năng vận dụng phương pháp thực hành và các yếu tố, nguyên lí tạo hình; khả năng làm việc độc lập và hợp tác trong thực hiện nhiệm vụ; khả năng thể hiện ý tưởng, tính ứng dụng của sản phẩm phục vụ học tập và đời sống,...

– Đánh giá kết quả hoạt động phân tích và đánh giá thẩm mĩ: Chú ý đánh giá khả năng cảm nhận thẩm mĩ thông qua trao đổi, phát biểu ý kiến và phản hồi, chia sẻ vốn hiểu biết, kinh nghiệm thực hành và khả năng học hỏi, thể hiện tình cảm, thái độ, sự thẳng thắn và tôn trọng trong thưởng thức, nhận xét, đánh giá sản phẩm, tác phẩm.

4. Hình thức đánh giá

Chương trình môn Mĩ thuật kết hợp hài hoà giữa đánh giá thường xuyên (quá trình) và đánh giá tổng kết (định kì).

Đánh giá thường xuyên được thực hiện trong toàn bộ tiến trình giáo dục và tích hợp trong các hoạt động dạy học, do GV phụ trách môn học tổ chức dựa trên kết quả đánh giá của GV, HS đánh giá đồng đẳng, HS tự đánh giá.

Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm gần hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối học kì, cuối năm học, cuối cấp học), do cơ sở giáo dục tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình. Đánh giá định kì dựa trên các bài kiểm tra như: sản phẩm thực hành mĩ thuật, kết quả dự án học tập, bài tự luận, bài test..., trong đó cần lưu ý trọng tâm đổi mới phương pháp dạy học của chương trình là kết hợp, lồng ghép thực hành và thảo luận trong tổ chức dạy học.

Cánh Diều

Phần hai

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC SÁCH GIÁO KHOA MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

A. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN

I. THỜI LƯỢNG DẠY HỌC

Thời lượng của bài học (theo số tiết học): Đây là đề xuất của nhóm tác giả, GV có thể điều chỉnh thời lượng phù hợp với thực tế dạy học bảo đảm tổng thời lượng thống nhất với quy định trong chương trình là 35 tiết/năm học (bao gồm kiểm tra, đánh giá) đối với lớp 1.

Phân bố nội dung ở mỗi tiết học: Trên cơ sở thời lượng của bài học (với bài học có từ 2 tiết trở lên) trong các chủ đề, GV chủ động phân bố nội dung cho mỗi tiết học phù hợp với thực tế dạy học, bảo đảm đạt được mục tiêu đã đặt ra.

Phân bố thời lượng cho từng hoạt động dạy học cụ thể trong mỗi bài học: Dựa trên thực tiễn dạy học, GV chủ động phân chia thời lượng phù hợp cho mỗi hoạt động, bảo đảm sự hài hoà giữa nội dung các hoạt động, sao cho hoạt động thực hành và thảo luận là trọng tâm của tiến trình dạy học.

Giải thích thuật ngữ (trang 77, 78 – SGK): nhằm làm rõ hơn một số từ ngữ thuộc lĩnh vực mỹ thuật có liên quan đến nội dung bài học trong SGK. Trong quá trình tổ chức dạy học, GV có thể sử dụng phần nội dung này để cung cấp cho HS những thông tin cần thiết về các thuật ngữ mỹ thuật; đồng thời, hướng dẫn các em cách tra cứu. Từ đó, hình thành, phát triển khả năng tự học, tự tìm tòi, khám phá ở HS.

II. CẤU TRÚC CHỦ ĐỀ VÀ BÀI HỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

– Tên chủ đề: Bao quát nội dung là định hướng nội dung chính. Mỗi chủ đề có thể gồm một hoặc nhiều bài.

– Tên bài học: Nhấn mạnh đến nội dung cần thể hiện của bài học. Cấu trúc nội dung mỗi bài học gồm:

+ **Giới thiệu bài:** Nhằm định hướng nội dung chính của bài học.

+ **Những điều mới mẻ:** Chú trọng tổ chức các hoạt động: Quan sát, nhận biết; Thực hành, sáng tạo và thảo luận; Trưng bày sản phẩm và nhận xét, chia sẻ cảm nhận.

+ **Vận dụng:** Nhằm gợi mở HS có thêm ý tưởng sáng tạo về chủ đề bài học và ứng dụng bài học vào thực tiễn.

III. QUY TRÌNH TỔ CHỨC NỘI DUNG ĐỊNH HƯỚNG TRONG SÁCH GIÁO VIÊN MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

Cấu trúc nội dung mỗi bài học trong sách giáo viên (SGV) môn Mĩ thuật lớp 1 gồm:

- Mục tiêu bài học.
- Chuẩn bị của HS và GV.
- Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học chủ yếu.
- Các hoạt động dạy học, gồm:
 - + Hoạt động: Ôn định lớp.
 - + Hoạt động: Khởi động, giới thiệu bài học.
 - + Hoạt động: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*.
 - + Hoạt động: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung *Vận dụng*.
 - + Hoạt động: Tổng kết bài học.
 - + Hoạt động: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo.

Dựa trên tài liệu SGK và SGV môn Mĩ thuật lớp 1, GV có thể linh hoạt tổ chức dạy học, đáp ứng được mục tiêu của chương trình và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Mục tiêu bài học: Hướng đến góp phần hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực chung và một số năng lực đặc thù khác ở HS, thông qua các biểu hiện cụ thể gắn với nội dung bài học; trọng tâm là hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật được quy định trong Chương trình môn Mĩ thuật 2018.

Bên cạnh đó, dựa trên nét đặc trưng riêng về đời sống, văn hoá, nghệ thuật ở mỗi địa phương, GV có thể lồng ghép nội dung giáo dục gắn với địa phương, trên cơ sở bảo đảm phù hợp với nội dung dạy học, thiết thực với HS và thống nhất với mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học đã đặt ra.

Chuẩn bị của HS và GV: Bao gồm các phương tiện, đồ dùng dạy học cần có để sử dụng trong tổ chức các hoạt động dạy học. Ngoài ra, căn cứ vào thực tiễn dạy học ở địa phương, GV có thể sưu tầm, chuẩn bị và hướng dẫn HS chuẩn bị đồ dùng học tập hoặc có thể phối hợp với phụ huynh HS cùng chuẩn bị. Đồng thời dựa vào nguồn tư liệu, vật liệu sẵn có ở địa phương, GV có thể chủ động thay thế một số đồ dùng, phương tiện dạy học phù hợp tương tự, bảo đảm nội dung, yêu cầu cần đạt của bài học đã đặt ra.

Sưu tầm, chuẩn bị các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật phục vụ dạy học bằng nhiều cách và nguồn tài liệu khác nhau. Tuy nhiên, GV nên lựa chọn các tác phẩm đã được công bố, đánh giá của các nhà chuyên môn, các nhà giáo dục, cũng như có tính phổ biến và điển hình, phù hợp với nội dung dạy học, bảo đảm đạt được mục đích giáo dục và yêu cầu cần đạt của bài học. Trong các nguồn tài liệu đó, GV nên lựa chọn, sử dụng các tác phẩm trưng bày ở các bảo tàng uy tín trong và ngoài nước cũng như các tác phẩm được giới thiệu trên các trang truyền thông chính thức của các bảo tàng đó.

Nếu điều kiện dạy học cho phép sử dụng thiết bị công nghệ, GV có thể chuẩn bị máy tính kết nối Internet, máy chiếu và khai thác tính năng của một số thiết bị khác như điện thoại, máy ảnh,... để hỗ trợ các hoạt động dạy học một cách phù hợp và hiệu quả.

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học chủ yếu: Đây là những gợi ý để GV lựa chọn, vận dụng trong tổ chức các hoạt động dạy học. Trong thực tế, tùy thuộc vào khả năng tổ chức của GV và điều kiện dạy học, GV có thể bổ sung, lựa chọn, vận dụng những phương pháp, hình thức tổ chức dạy học thích hợp, để bảo đảm đạt được mục tiêu bài học và yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Mỹ thuật lớp 1.

Tiến trình tổ chức hoạt động: Đây là những gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học dựa trên cấu trúc nội dung các bài học trong SGK Mỹ thuật lớp 1; GV có thể thiết kế hoạt động thay thế, phù hợp với điều kiện dạy học và khả năng tổ chức lớp học của bản thân, trên cơ sở bảo đảm được nội dung, mục tiêu và yêu cầu cần đạt của bài học.

Tiến trình tổ chức hoạt động bao gồm:

Hoạt động 1: Ổn định lớp

Tạo tâm thế cho HS sẵn sàng học tập.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

Gợi mở nội dung bài học và kích thích hứng thú học tập ở HS vào bài học.

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

Bao gồm nội dung các hoạt động dựa trên các thành phần của năng lực mĩ thuật phù hợp với HS lớp 1: quan sát, nhận biết; thực hành sáng tạo và thảo luận; trưng bày sản phẩm và trao đổi, chia sẻ cảm nhận.

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung *Vận dụng*

Nhằm gợi mở ý tưởng sáng tạo cho HS.

Nội dung thiết kế ở mục này ở mỗi bài học trong SGK Mĩ thuật 1 là nội dung không bắt buộc GV phải tiến hành tổ chức dạy học, không bắt buộc học HS phải thực hiện trên lớp hoặc ở nhà; tùy vào thực tiễn dạy học, GV có thể linh hoạt tổ chức.

Ví dụ:

- Có thể hướng dẫn HS tự học nếu các em có hứng thú và mong muốn thực hiện.
- Có thể tổ chức HS thực hiện vào buổi học 2 trong ngày.
- Có thể tổ chức HS thực hiện trên lớp, nếu HS đã hoàn thành nội dung các hoạt động tại mục *Những điều mới mẻ* và thời gian của tiết học trên lớp vẫn có thể thực hiện được nội dung *Vận dụng*.

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

Củng cố nội dung chính của bài học và đánh giá kết quả học tập.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

Hình thành thói quen tự học, chủ động chuẩn bị bài học trước khi đến trường, vào lớp học của HS.

B. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC SÁCH GIÁO KHOA MÔN MĨ THUẬT LỚP 1

Chủ đề 1 **MÔN MĨ THUẬT CỦA EM**

Bài 1. MÔN MĨ THUẬT CỦA EM

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và phát triển cho HS tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm,... thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

- Yêu thích cái đẹp trong thiên nhiên, trong đời sống; yêu thích các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.
- Có ý thức chuẩn bị đồ dùng, vật liệu phục vụ bài học và bảo quản các đồ dùng học tập của mình, của bạn, trong lớp, trong trường,...

2. Năng lực

Bài học góp phần từng bước hình thành, phát triển các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết một số đồ dùng, vật liệu cần sử dụng trong tiết học; nhận biết tên gọi một số sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.
- Nêu được tên một số đồ dùng, vật liệu; gọi được tên một số sản phẩm mỹ thuật trong bài học; lựa chọn được hình thức thực hành để tạo sản phẩm.
- Bước đầu biết chia sẻ về sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật do bản thân, bạn bè, những người xung quanh tạo ra trong học tập và đời sống.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết tự chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; tự lựa chọn nội dung thực hành.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận, nhận xét, phát biểu về các nội dung của bài học với GV và bạn học.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết quan sát, phát hiện vẻ đẹp ở đối tượng quan sát; biết sử dụng các đồ dùng, công cụ,... để sáng tạo sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

– Năng lực ngôn ngữ: Hình thành thông qua các hoạt động trao đổi, thảo luận theo chủ đề.

– Năng lực thể chất: Biểu hiện ở hoạt động tay trong các kĩ năng thao tác sử dụng đồ dùng như vẽ tranh, cắt hình, nặn, hoạt động vận động.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: GV và phụ huynh cùng phối hợp hướng dẫn HS tự chuẩn bị:

- Các đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1.
- SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1, giấy vẽ,...
- Ảnh, bức tranh về sản phẩm thủ công (nếu có thể).



2. Giáo viên: Đồ dùng cần thiết như gợi ý trong bài 1 SGK Mĩ thuật 1

– SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; hình ảnh (hoặc vật thật) minh họa nội dung bài học (đồ thủ công, sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, vật liệu đặc trưng vùng miền,...).

- Phương tiện, họa phẩm cần thiết cho các hoạt động: vẽ, cắt dán, ghép hình, nặn.
- Máy tính, máy chiếu hoặc ti vi,... (khuyến khích có).

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Nêu và giải quyết vấn đề, gợi mở, luyện tập,...

2. Kĩ thuật dạy học: Khăn trải bàn, động não, tia chớp,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV tạo tâm thế học tập cho HS thông qua một số gợi ý sau:

- Kiểm tra sĩ số HS.
- *Gợi mở* HS chia sẻ sự chuẩn bị bài học.
- *Kích thích* HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

Giới thiệu một số đồ dùng, sản phẩm, tác phẩm thông qua đồ dùng dạy học hoặc lựa chọn bài hát có nội dung về hoạt động tạo hình, video clip liên quan. GV chủ động sáng tạo những phương pháp mới cho riêng mình theo định hướng mục tiêu của bài.

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

- Tiếp tục sử dụng các hình ảnh (hoặc video clip).
- Đặt các câu hỏi liên quan đến hình ảnh trang 3 SGK, ví dụ:

- + Đây là hoạt động gì?
- + Em đã từng làm việc này chưa?
- + Đây là màu gì? Sự khác nhau của các màu?

Cảm giác màu phù hợp theo mùa...?

- Gợi ý HS kể/gọi tên các đồ dùng và kết nối các tên với hình ảnh trong trang 4 SGK.

- Gợi ý HS kể/gọi tên và cho HS bổ sung, mở rộng các loại vật liệu dùng cho môn Mĩ thuật ở trang 5.

- Hướng dẫn HS gọi đúng tên một số sản phẩm mĩ thuật quanh em tại trang 6 SGK.

- Tổng kết lại thông tin bằng cách cho HS nêu ý kiến hoặc trả lời. GV trình chiếu hình ảnh trong trang sách (nếu sử dụng máy chiếu).



3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo

3.2.1. Tìm hiểu cách thực hành, sáng tạo

– Tổ chức cho HS trao đổi và phát biểu về các sản phẩm phần thực hành, sáng tạo tại trang 6. Mục đích chính là HS hình dung được sơ bộ cách thực hành. Không nên dạy rập khuôn, hoặc hướng dẫn quá kĩ.

– Nêu câu hỏi đồng thời giới thiệu cách tạo ra sản phẩm nếu có thể. Cần quan tâm đến kết quả phát biểu của HS.

3.2.2. Thực hành và thảo luận

Tổ chức cho HS sáng tạo theo nhóm. Ví dụ: Mỗi em nặn một phần của đồ vật và ghép lại thành sản phẩm hoàn chỉnh; cùng xé dán một bức tranh với những hình khác nhau; chọn vật liệu và ghép hình theo những thứ HS chuẩn bị được.

Lưu ý:

– Đây là bài đầu tiên nên cần tránh tình trạng đưa ra quy trình, mẫu theo kiểu hướng dẫn các bước thực hành.

– Không yêu cầu sự hoàn hảo ở sản phẩm của HS; đề cao sự đa dạng.

3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

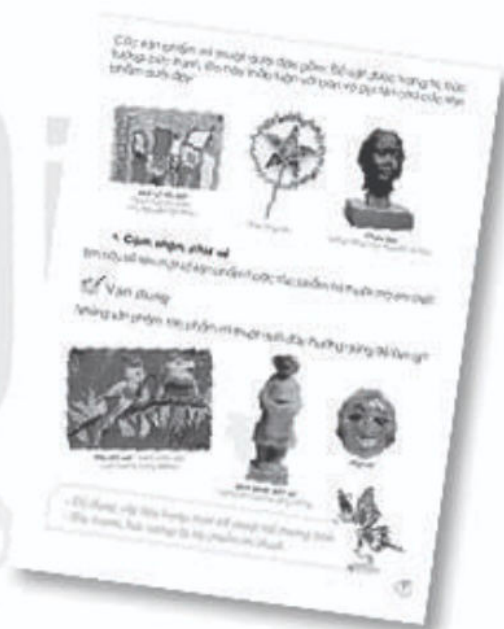
Do tính chất của bài đầu tiên chủ yếu là giới thiệu và hình thành nhận thức nên việc tổ chức cho HS thực hiện hoạt động này đóng vai trò quan trọng. GV cần lưu ý các vấn đề sau đây:

– Lựa chọn kĩ thuật dạy học phù hợp, sao cho HS có càng nhiều ý kiến nêu ra càng tốt.

– Tổ chức linh hoạt hoạt động ghép tên với ảnh sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật ở trang 7. Ví dụ: Chuẩn bị hình ảnh tương tự và bảng tên treo trên bảng và để HS chọn nối,...

– Tổ chức cho HS thảo luận là chính. Không quá đi sâu nội dung kiến thức. Tạo cơ hội cho HS được chia sẻ về sản phẩm của mình, của bạn dựa trên: kể tên vật liệu, chất liệu, hình thức tạo hình,...

– Các nội dung chính GV nên chốt và nhắc nhở.



Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung Vận dụng

GV gọi mời HS nhận biết ứng dụng của một số sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật quen thuộc ở trang 7 SGK và có thể sưu tầm thêm. Ví dụ: Mặt nạ dùng làm gì?...

Các hướng vận dụng kiến thức nên là:

- Nêu và giải quyết vấn đề: Vận dụng hiểu biết để suy đoán vấn đề.
- Kết quả chính: Bước đầu phân biệt danh từ nghệ sĩ, nghệ nhân, sản phẩm, tác phẩm.

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

Hệ thống lại các nội dung kiến thức chính bao gồm:

- Các hoạt động trong môn Mỹ thuật.
- Những đồ dùng, vật liệu môn Mỹ thuật.
- Gọi nhắc HS tên gọi của các loại hình (tranh, tượng), tên gọi của người làm nghề mỹ thuật (họa sĩ, nhà điêu khắc, nghệ nhân chạm khắc,...).
- Ý nghĩa của môn Mỹ thuật, các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

GV nhắc HS:

- Xem trước Bài 2 SGK.
- Chuẩn bị các đồ dùng, vật liệu theo yêu cầu ở mục Chuẩn bị trong Bài 2, trang 8 SGK.

Cánh Diều

Chủ đề 2

MÀU SẮC VÀ CHẤM

Bài 2. MÀU SẮC QUANH EM

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học hình thành và phát triển ở HS nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực..., thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

- Yêu thiên nhiên, yêu thích nét đẹp của màu sắc.
- Biết chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập, tham gia các hoạt động nhóm. Trung thực trong nhận xét, chia sẻ, thảo luận.
- Không tự tiện sử dụng màu sắc, hoạ phẩm,... của bạn.
- Biết giữ vệ sinh lớp học, ý thức bảo quản đồ dùng học tập, trân trọng sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật của mình, của mọi người.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết và gọi tên được một số màu sắc quen thuộc; biết cách sử dụng một số loại màu thông dụng; bước đầu biết được sự phong phú của màu sắc trong thiên nhiên, trong cuộc sống và trong sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.
- Sử dụng màu sắc ở mức độ đơn giản. Tạo được sản phẩm với màu sắc theo ý thích.

– Phân biệt được một số loại màu vẽ và cách sử dụng. Bước đầu chia sẻ được cảm nhận về màu sắc ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật và liên hệ cuộc sống.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập, tự giác thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận, nhận xét, phát biểu về các nội dung của bài học.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết quan sát, nhận ra sự khác nhau của màu sắc.

2.3. Năng lực đặc thù khác

– Năng lực ngôn ngữ: Sử dụng được ngôn ngữ diễn tả về màu sắc theo cảm nhận.

– Năng lực khoa học: Biết được trong tự nhiên và cuộc sống có nhiều màu sắc khác nhau.

– Năng lực thể chất: Biểu hiện ở hoạt động tay trong các ở kĩ năng thao tác, sử dụng công cụ bằng tay như sử dụng kéo, hoạt động vận động.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: GV và phụ huynh cùng phối hợp giúp HS tự chuẩn bị:

– SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; giấy vẽ, hộp màu, giấy màu, vật liệu,...

– Các sản phẩm khác nhau có màu sắc phong phú.

2. Giáo viên

– Phương tiện, hoạ phẩm chủ yếu là màu vẽ, giấy màu và đất nặn nhiều màu.

– Minh hoạ giới thiệu cách sử dụng một số loại màu vẽ thông dụng.

– Chuẩn bị tốt các nội dung về màu sắc và ý nghĩa của nó.

– Một số bức tranh rõ màu chủ đạo, màu sắc khác nhau.



*Công viên địa chất vùng Zhangye
Danxia thuộc tỉnh Cam Túc,
Trung Quốc (nguồn Internet)*



*Dãy núi Willkanuta ở Peru –
một phần của dãy Andes
(nguồn Internet)*

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Nêu và giải quyết vấn đề, hướng dẫn thực hành, gợi mở, tích hợp.

2. Kĩ thuật dạy học: Bê cá, động não.

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV tạo tâm thế học tập cho HS thông qua một số gợi ý sau:

- Kiểm tra sĩ số HS; có thể kiểm tra bài cũ bằng các câu hỏi đơn giản.
- Gợi mở HS chia sẻ sự chuẩn bị bài học.
- Kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

- GV có thể vận dụng một trong các hoạt động gợi ý sau:

Cách 1: Giới thiệu một số đồ dùng có màu sắc bắt mắt để tập trung sự chú ý của HS.

Cách 2: Lựa chọn một bài hát thiếu nhi về màu sắc (tích hợp).

Cách 3: Sử dụng đồ dùng trực quan dạng giấy bóng kính để pha màu như hình thức làm ảo thuật hoặc sử dụng vòng tròn màu và quay để sinh ra màu mới.

Cách 4: Sử dụng một đĩa CD hướng đến ánh sáng để tạo ra bảy sắc cầu vồng. GV để mặt đĩa CD màu trắng dưới ánh sáng, từng góc nhìn sẽ có thể thấy màu biến đổi do ánh sáng tác động. Nêu vấn đề và kết luận: Ta nhìn thấy màu sắc nhờ ánh sáng.

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

- Tiếp tục sử dụng các hình ảnh (hoặc video clip) theo phương án khởi động.
- Đặt các câu hỏi liên quan đến hình ảnh trong bài học ở trang 8, 9 SGK:
 - + Quả, cây ở trang 8 có màu gì?
 - + Em có nhìn thấy quả này có màu khác không? Đây là màu gì?...
- Gợi ý cho HS nhớ lại các màu đã từng biết qua hệ thống các câu hỏi phát vấn ngắn. Ví dụ: Lá bàng có màu gì? Quả cà chua màu gì nhỉ?... Sau đó chỉ ra sự khác nhau của thời điểm (quả chín, quả xanh,...).
- Sử dụng kĩ thuật dạy học tia chớp để giúp HS gọi tên các màu (theo vòng tròn) và cho bổ sung, mở rộng các loại màu mà các em nhớ được.
- Giúp HS gọi đúng tên các màu. Không nên giới thiệu đến màu cấp 3.
- Đặt nhiều câu hỏi để hướng HS đến nhận biết sự phong phú của màu sắc trong thiên nhiên, trong cuộc sống và trong tác phẩm, sản phẩm mỹ thuật.

– Tổng hợp thông tin bằng cách cho HS nêu ý kiến hoặc trả lời với các màu chính trong bảy sắc cầu vồng. Nhận biết và gọi tên các màu trong nhóm màu cấp 2.

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo

3.2.1. Tìm hiểu cách thực hành, sáng tạo

– Tổ chức cho HS trao đổi, phát biểu về cách sử dụng (cầm bút) và bảo quản các loại màu khác nhau.

– GV giới thiệu cách sử dụng màu và minh họa, giải thích. Ví dụ:

+ Màu sáp dễ gãy nên cần vẽ nhẹ tay, có thể chồng màu nhiều lần.

+ Màu dạ cần tránh việc vẽ lên mảng màu còn ướt vì sẽ làm bẩn đầu bút.

Lưu ý: Hướng dẫn hoặc thị phạm minh họa sử dụng tô/vẽ chồng màu ở mức độ đơn giản.

3.2.2. Thực hành, sáng tạo

Tổ chức cho HS sáng tạo theo nhóm. Ví dụ:

– Lựa chọn 1: Mỗi thành viên nặn một phần của đồ vật từ một màu khác nhau và ghép lại thành sản phẩm hoàn chỉnh.

– Lựa chọn 2: Cùng xé dán một bức tranh với những hình khác nhau.

– Lựa chọn 3: Chọn vật liệu và ghép hình theo những đồ dùng, vật liệu HS chuẩn bị được.

– Lựa chọn 4: Vẽ một bức tranh đơn giản bằng màu có sẵn.

Lưu ý:

– Cần tránh tình trạng đưa ra các quy trình, các mẫu theo kiểu hướng dẫn các bước thực hành. Chỉ nên gợi ý và theo dõi, giúp đỡ HS khi cần thiết.

– Không yêu cầu sự hoàn hảo ở sản phẩm của HS, cần cao sự đa dạng.

3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

Do tính chất bài học chủ yếu tập trung làm quen với màu sắc và cách sử dụng nên hoạt động này chủ yếu thiết kế cho HS chia sẻ cảm nhận về màu sắc trong sản phẩm của mình hoặc của các bạn trong lớp. GV cần lưu ý các vấn đề sau đây:

– Lựa chọn kĩ thuật dạy học phù hợp, sao cho HS có càng nhiều ý kiến nêu ra càng tốt.

– Chủ yếu đưa HS vào thảo luận cùng nhau là chính. Không quá chú trọng đến nội dung kiến thức vì màu sắc còn học lại nhiều lần.

– Các nội dung chính do GV tổng kết và nhắc nhở.

Hoạt động 4: Hướng dẫn cho HS tìm hiểu nội dung *Vận dụng*

Các hướng vận dụng kiến thức GV có thể gợi mở HS:

– Sử dụng màu sắc để làm đẹp hơn cho cuộc sống.

– Liên hệ với màu sắc để nhận biết tín hiệu giao thông.

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

Hệ thống lại các nội dung kiến thức chính bao gồm:

– Màu sắc có ở xung quanh ta.

– Một số loại màu vẽ thông dụng.

– Những đồ dùng vẽ màu, vật liệu môn mỹ thuật có màu.

– Tên gọi một số màu sắc quen thuộc.

– Những ý nghĩa cơ bản ban đầu của màu sắc trong môn Mỹ thuật và trong cuộc sống.

Cách củng cố bài cũng nên linh hoạt vì đây là nội dung rất thú vị. GV cần tìm cách kết thúc bài học sao cho ý nghĩa và vui vẻ. Có thể sử dụng nội dung *Vận dụng* trong SGK để phát triển nội dung. Ví dụ tạo một trò chơi với đèn giao thông như gợi ý sau:

– Đèn giao thông có mấy màu?

– Theo em, màu nào thì các phương tiện được di chuyển? Màu nào các phương tiện giao thông phải dừng lại?

Lưu ý: Có thể gợi mở HS sử dụng tiếng Anh để nói tên một số màu.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

Xem trước bài 3 và chuẩn bị các đồ dùng, vật liệu như yêu cầu trong SGK. GV cần có yêu cầu cụ thể phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn và điều kiện của vùng miền.

Bài 3. CHƠI VỚI CHẤM

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần hình thành và phát triển đức tính chăm chỉ, ý thức giữ gìn vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm mỹ thuật ở HS. Biểu hiện cụ thể như sau:

- Chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập.
- Biết giữ vệ sinh lớp học như nhặt giấy vụn vào thùng rác, không để hồ dán dính trên bàn, ghế,...
- Biết bảo quản sản phẩm của mình, tôn trọng sản phẩm do bạn bè và người khác tạo ra.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết được chấm xuất hiện trong cuộc sống và trong mỹ thuật.
- Tạo được chấm bằng một số cách khác nhau; biết vận dụng chấm để tạo nét, tạo hình theo ý thích.
- Biết trưng bày, giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu học tập; tự giác tham gia học tập, biết lựa chọn cách tạo chấm để thực hành.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và trưng bày, chia sẻ cảm nhận trong học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, giấy màu, hoa phẩm (hoặc mực bút máy, phẩm nhuộm,...) trong thực hành, sáng tạo.

2.3. Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Biết sử dụng lời nói để trao đổi, thảo luận trong học tập.
- Năng lực thể chất: Biết vận động bàn tay, ngón tay trong thực hiện các thao tác tạo sản phẩm.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; giấy màu, hoa phấm, bút chì, tẩy chì, hồ dán, kéo, bìa giấy, đất nặn, sỏi (hoặc mực bút máy, phẩm nhuộm,...).

2. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; giấy màu, kéo, bút chì; hình ảnh minh hoạ nội dung bài học; máy tính, máy chiếu hoặc ti vi (nếu có).

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Phương pháp dạy học: Trực quan, quan sát, gợi mở, luyện tập, thực hành, thảo luận, giải quyết vấn đề, liên hệ thực tiễn,...

2. Kỹ thuật dạy học: Động não, bể cá,...

3. Hình thức tổ chức dạy học: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ôn định lớp

GV tạo tâm thế học tập cho HS thông qua một số gợi ý sau:

- Kiểm tra sĩ số và chuẩn bị bài học của HS.
- Có thể kiểm tra bài cũ về nội dung màu sắc.
- Kích thích HS tập trung vào hoạt động khởi động.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

- GV tham khảo một số cách dưới đây:

Cách 1: Viết một số chữ cái hoặc một số từ (ngữ), tên địa danh, tên trường, tên người,... có sử dụng dấu “chấm” hoặc thanh “nặng” trong tiếng Việt, kết hợp viết minh hoạ và giảng giải, tương tác với HS.

Lưu ý: Các ví dụ viết minh hoạ cần gần gũi, quen thuộc, gắn với địa phương và trường, lớp; nên kết nối với nội dung dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 tại thời điểm dạy học bài này.

Ví dụ: Chữ “i”; từ “hoa sĩ”, “bài học”; môn Tự nhiên và Xã hội, môn Tiếng Việt, tên địa phương (nếu có như yêu cầu); tên riêng của người (ví dụ tên một số HS trong lớp),...

Cách 2: Sử dụng một số hình ảnh trong tự nhiên, đời sống (cây có đốm lá hình giống các chấm, pháo hoa, tuyết rơi, con chó đốm, con cánh cam, hộp đựng bút,...).

– Nêu câu hỏi, giúp HS nhận ra chấm ở hình ảnh.

Lưu ý: Những hình ảnh đưa ra cần gần gũi, quen thuộc với HS.

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

* Hình ảnh trang 14 SGK Mĩ thuật 1 và hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có).

– Tổ chức cho HS làm việc nhóm và yêu cầu: HS nêu kích thước, màu sắc của các chấm trong hình.

– Gọi nhắc: Chấm có kích thước, màu sắc khác nhau.

* Hình ảnh trang 15 SGK Mĩ thuật 1. GV có thể chuẩn bị thêm hình ảnh. Ví dụ: con cánh cam, pháo hoa, tuyết rơi,...

– Tổ chức cho HS thảo luận nhóm và yêu cầu các em:

+ Giới thiệu tên các hình ảnh minh hoạ.

+ Nêu hình dạng, màu sắc của các chấm ở mỗi hình ảnh.

– GV gợi mở HS quan sát lớp học để tìm chấm.

– GV giới thiệu thêm thông tin về: con sao biển, con hươu sao, trang phục váy,...

– GV giới thiệu các sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, kết hợp tương tác với HS:

+ Bức tranh “Hoa hướng dương” của bạn Đình Quang: Sử dụng chấm để tạo hình bông hoa hướng dương trong tranh.

+ Bức tranh “Chiều chủ nhật trên đảo Grăn-đơ Da-tơ” (trích đoạn) của họa sĩ Sơ-rát (Georges Pierre Seurat).

• GV giới thiệu họa sĩ Sơ-rát (1859 – 1891): Là người Pháp, ông là người rất thích sử dụng chấm để sáng tạo các tác phẩm mĩ thuật.

• GV gợi mở, nêu câu hỏi giúp HS nhận ra chấm được họa sĩ sử dụng là chính để thể tán lá cây, thảm cỏ, mặt đất, trang phục (váy, mũ, áo,...), con vật,... trong bức tranh.

Lưu ý: GV có thể giới thiệu thêm một số tác phẩm khác cùng phong cách (nếu điều kiện thực tế cho phép). Ví dụ:

– Tác phẩm của họa sĩ Sơ-rát:



*Tháp Ép-phen
Seurat (Sơ-rát)*

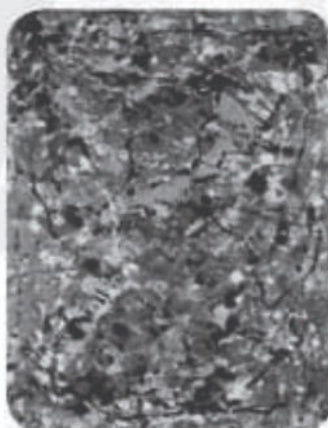


*Cây thông xanh – Trô-pê
Pall Signac (Pôn Si-nhắc)*

– Tác phẩm của một số họa sĩ khác:



*Bờ sông Xen
Pillet (Pi-lét)*



*Dạ khúc
Pollock (Pôn-lốc)*



*Chân dung tự họa –
Van Gogh (Van-gốc)*

– GV gợi mở HS nhớ về những gì đã nhìn thấy và quan sát các hình ảnh, đồ vật, đồ dùng,... xung quanh có sử dụng chấm, cần kết hợp hình ảnh trực quan. Ví dụ:

- + Trong lớp: trên tường, các bảng biểu,...
- + Trên đồ dùng học tập, trang phục của mình, của bạn.
- + Đồ dùng trong gia đình: lọ hoa, bát, đĩa, khăn trải bàn,...
- + Hình ảnh thiên nhiên: Mặt Trời, Mặt Trăng, mây,...

Ví dụ:



– GV tóm tắt nội dung quan sát:

+ Trong thiên nhiên, trong cuộc sống có nhiều hình ảnh biểu hiện chấm.

+ Có thể sử dụng các chấm để tạo các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật hoặc trang trí, làm đẹp cho các đồ dùng, đồ vật theo ý thích.

– GV sử dụng câu hỏi gợi mở, nêu vấn đề,... để kích thích HS tham gia thực hành sáng tạo với chấm. Ví dụ: Các em có muốn tạo chấm để tạo một sản phẩm mỹ thuật theo ý thích? Làm thế nào để chúng ta tạo được các kiểu chấm này? Từ các kiểu chấm này em sẽ tạo sản phẩm mỹ thuật nào?...

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo

3.2.1. Tìm hiểu cách tạo chấm và sử dụng chấm để tạo nét, tạo hình

a) Cách tạo chấm

– Tổ chức cho HS quan sát một số hình ảnh minh họa và trả lời câu hỏi trong trang 16 SGK: “Có những cách nào để tạo ra chấm?”.

– GV giới thiệu một số cách tạo chấm, kết hợp thị phạm minh họa (có thể tổ chức cho HS cùng thực hiện một số cách tạo chấm bằng vật liệu, họa phẩm sẵn có). Ví dụ:

+ Tạo chấm từ giấy: Cắt hoặc xé tạo chấm khác nhau.

+ Tạo chấm từ bút màu: Dùng bút màu chấm trên giấy tạo các chấm.

+ Tạo chấm từ ngón tay: Dùng ngón tay có màu (hoặc mực bút máy, phẩm màu,...) và ấn (chấm) ngón tay trên giấy tạo chấm (có thể dùng công cụ khác như bông tăm).

+ Tạo chấm từ đất nặn: Lấy đất nặn vê tròn hoặc ấn dẹt tạo chấm.



Tạo chấm từ giấy



Tạo chấm từ ngón tay



Tạo chấm từ bút màu

– Có thể giới thiệu thêm một số hình ảnh sản phẩm mỹ thuật có sử dụng các vật liệu, công cụ sẵn có làm chấm, như: nam châm, viên sỏi, khuy áo, hạt đậu,...

– Gợi nhắc HS: có nhiều cách tạo chấm, có thể tạo chấm từ: giấy, bút màu, ngón tay có màu, đất nặn và các vật liệu, công cụ sẵn có.

b) Cách sử dụng chấm để tạo nét và hình

– Tổ chức HS quan sát và gọi mở nhận ra các chấm sắp xếp tạo nét, tạo hình ở một số hình ảnh minh họa trong SGK trang 16 và hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có) bằng vật liệu, đồ dùng học tập, họa phẩm và yêu cầu HS:

+ Nhận ra cách sắp xếp chấm tạo nét xoắn ốc.

+ Nhận ra cách sắp xếp chấm tạo nét lượn sóng.

+ Nhận ra cách sắp xếp nét tạo hình tròn.

– Gọi mở rõ hơn cách tạo nét, tạo hình từ chấm. Ví dụ:

+ Nét lượn sóng, nét xoắn ốc: vẽ nét bằng bút chì/bút màu, xếp các chấm theo nét, vẽ tạo nét bằng các chấm.

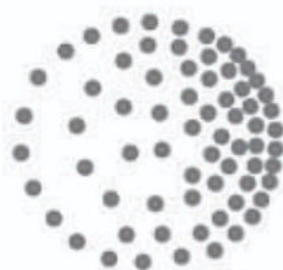
+ Hình tròn: vẽ hình tròn bằng bút chì/bút màu, xếp các chấm theo nét, vẽ tạo hình tròn bằng các chấm.



Sử dụng nam châm



Sử dụng viên sỏi



Sử dụng họa phẩm

– GV có thể giới thiệu thêm cách tạo chấm bằng cách vẽ/in các vật có hình dạng khác nhau như: hình tròn, hình elip, hình vuông, chữ nhật,...

3.2.2. Thực hành, sáng tạo

Sắp xếp HS ngồi theo nhóm và giao nhiệm vụ:

– HS làm việc cá nhân: Tạo chấm và sử dụng chấm tạo sản phẩm cho riêng mình.

GV sử dụng hình minh họa trong SGK, kết hợp hình ảnh sưu tầm, nêu vấn đề và giới thiệu một số cách sử dụng chấm để tạo sản phẩm, khuyến khích HS lựa chọn cách thể hiện theo ý thích.

Ví dụ:



– HS thảo luận nhóm: Mỗi cá nhân quan sát các bạn trong nhóm thực hành, cùng trao đổi với bạn về sản phẩm của mình, của bạn. GV có thể gợi ý một số nội dung để HS trao đổi trong nhóm, khích lệ HS nêu câu hỏi với bạn. Ví dụ:

+ Bạn sẽ tạo chấm bằng cách nào?

+ Kích thước, màu sắc ở các chấm tạo được của các bạn trong nhóm giống nhau hay khác nhau?

+ Chấm của em/của bạn vừa tạo được có màu gì?...

+ Bạn thích sản phẩm của bạn nào trong nhóm? Vì sao?...

GV quan sát HS thực hành, nắm bắt thông tin HS thực hiện nhiệm vụ và thảo luận; kết hợp trao đổi, nêu vấn đề và hướng dẫn HS, hỗ trợ HS một số thao tác thực hành (nếu cần thiết). Ví dụ: sử dụng công cụ, vật liệu, chất liệu giấy,... để tạo chấm, cách sắp xếp chấm tạo nét, tạo hình,...

– GV cần vận dụng tình huống có vấn đề để thử thách, gợi mở HS vượt qua trong thực hành, sáng tạo; khích lệ HS chia sẻ, vận dụng sản phẩm phục vụ trong học tập hoặc trong cuộc sống. Ví dụ: Sản phẩm của nhóm em có thể treo/dán trưng bày hoặc trang trí ở đâu?,...

– HS tạo sản phẩm nhóm (nếu thời gian cho phép thực hiện): GV có thể gợi mở HS một số cách tạo sản phẩm từ các chấm do mỗi cá nhân tạo ra, hoặc sử dụng vật liệu sẵn có. Ví dụ:



*Tạo hình cây bằng
viên sỏi làm chấm*



*Tạo hình bông hoa/cành hoa
bằng chấm giấy*

3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm cảm nhận, chia sẻ

– GV có thể tổ chức HS trưng bày sản phẩm theo cách thức dưới đây. Ví dụ:

+ Sử dụng bảng cá nhân đặt trên giá hoặc sử dụng bảng của lớp.

+ Trưng bày theo nhóm học tập.

+ Trưng bày theo nội dung thể hiện ở sản phẩm.

– GV tổ chức HS quan sát sản phẩm, gọi mở HS trao đổi, chia sẻ. GV tham khảo một số gợi ý sau:

+ Em thích sản phẩm của bạn nào (hoặc nhóm nào)?

+ Có những màu sắc nào ở các sản phẩm?

+ Sản phẩm của em (hoặc của nhóm em) có gì khác với sản phẩm của các bạn (hoặc các nhóm khác)?

+ Trong các sản phẩm trưng bày, sản phẩm nào do em (hoặc nhóm em) tạo ra?

+ Để tạo thành sản phẩm, em đã làm như thế nào?...

– GV đánh giá kết quả, kích thích HS nhớ lại quá trình thực hành, trao đổi, kết hợp gọi mở HS liên tưởng đến sáng tạo các hình ảnh khác với chấm.

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung mục Vận dụng

– GV tổ chức cho HS quan sát hình ảnh minh hoạ trang 17 SGK ở mục này và hình ảnh do GV chuẩn bị (nếu có).

– Nêu vấn đề, gọi mở HS nhận ra cách tạo sản phẩm với chấm.

– Nếu thời lượng cho phép, GV có thể giới thiệu cách thực hành và khuyến khích HS thực hiện ở nhà (tuỳ vào sở thích, hứng thú của HS).



Hoạt động 5: Tổng kết bài học

– GV tóm tắt nội dung chính của bài học (đối chiếu với yêu cầu cần đạt đã đặt ra):

+ Chấm có thể tìm thấy ở xung quanh trong cuộc sống và trong mỹ thuật.

+ Có nhiều cách để tạo ra chấm.

+ Có thể dùng chấm để tạo sản phẩm mỹ thuật theo ý thích.

– Nhận xét, đánh giá: ý thức học tập, thực hành, thảo luận,... của HS (cá nhân, nhóm, toàn lớp).

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

GV nhắc HS:

– Đọc và quan sát các hình ảnh minh hoạ Bài 4 trong SGK.

– Chuẩn bị các đồ dùng, công cụ theo hướng dẫn ở mục Chuẩn bị của bài học.

– Sưu tầm hình ảnh (hoặc vật thật) sẵn có ở gia đình và địa phương phù hợp nội dung được học ở Bài 4.

Chủ đề 3

SỰ THÚ VỊ CỦA NÉT

Bài 4. NÉT THẲNG, NÉT CONG

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS các phẩm chất như chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực,... thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

- Yêu thích cái đẹp thông qua biểu hiện sự đa dạng của nét trong tự nhiên, cuộc sống và tác phẩm mỹ thuật.
- Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,... phục vụ học tập, tự giác tham gia hoạt động học tập.
- Không tự tiện lấy đồ dùng học tập của bạn; chia sẻ ý kiến theo đúng cảm nhận của mình.
- Biết giữ vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển các năng lực sau:

2.1. Năng lực mỹ thuật

- Nhận biết nét thẳng, nét cong và sự khác nhau của chúng.
- Tạo được sản phẩm đơn giản bằng nét thẳng, nét cong.
- Bước đầu chia sẻ được nhận biết về nét thẳng, nét cong ở đối tượng thẩm mỹ và sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập, chủ động trong hoạt động học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

– Năng lực ngôn ngữ: Thông qua trao đổi, thảo luận theo chủ đề.

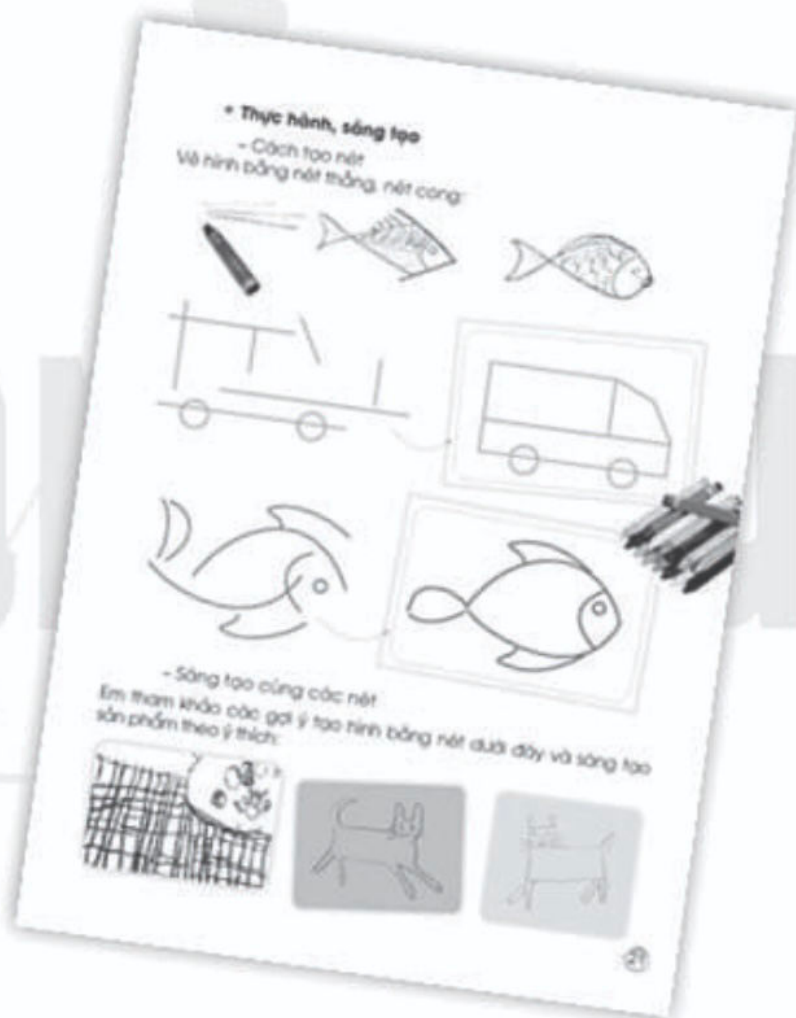
– Năng lực thể chất: Thực hiện các thao tác thực hành với sự vận động của bàn tay.

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

1. Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; đồ dùng, vật liệu như mục Chuẩn bị trang 18 SGK; màu vẽ, vật liệu dạng sợi, que tính, sợi dây,... (lưu ý yếu tố vùng miền, ví dụ: trang trí túi thổ cẩm).

2. Giáo viên: SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1; Phương tiện, hoạ cụ, hoạ phẩm và vật liệu dạng que, dạng sợi, giấy màu,... Đồ dùng trực quan các dạng hình kỉ hà, hình nét cong đơn giản (lưu ý yếu tố vùng miền, ví dụ: trang trí túi thổ cẩm).

– Hình minh hoạ.



– Một số bức tranh, sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật sử dụng nét thẳng, nét cong.
Lưu ý chuẩn bị tranh của danh họa Môn-đơ-ri-an, kiến trúc cầu cong, thẳng, mái vòm, toà tháp thẳng đứng,...

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. **Phương pháp dạy học:** Phát vấn/đặt câu hỏi, nêu và giải quyết vấn đề, trò chơi, thực hành, gợi mở,...

2. **Kĩ thuật dạy học:** Động não, bể cá,...

3. **Hình thức tổ chức dạy học:** Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động 1: Ổn định lớp

GV tạo tâm thế học tập cho HS thông qua gợi ý một số hoạt động sau:

- Nhắc HS ổn định trật tự.
- Kiểm tra bài cũ.
- Yêu cầu HS chuẩn bị sẵn sàng các đồ dùng, vật dụng cho bài học.

Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học

– Giới thiệu một số đồ dùng, sản phẩm, tác phẩm thông qua đồ dùng dạy học hoặc minh họa trực tiếp trên bảng. GV gợi ý một số ví dụ triển khai khởi động, giới thiệu bài.

+ Ví dụ 1: Vẽ nét cong bằng nét thẳng.

Vẽ một nét ngắn.	Đây là nét gì?	Nét thẳng
Vẽ tiếp một nét ngắn nối vào lệch một chút.	Đây là nét gì?	Nét thẳng/hai nét thẳng
Vẽ tiếp 2, 3 nét nữa kế tiếp nhau để thành nét cong.	Bây giờ các em thấy gì?	Nét cong

+ Ví dụ 2: Gác một cây thước mỏng dài trên 2 đầu bàn và đặt một vật (ví dụ quyển sách) và quan sát hiện tượng thước kẻ nó sẽ cong ở giữa. Quyển sách nặng đã làm cong thước.

⇒ Kết luận đường thẳng, đường cong dễ dàng tạo ra được.

+ Ví dụ 3: Dùng dây nhảy trong môn Thể dục, sợi len hoặc dây thép kéo thẳng và uốn/để chùng cho cong xuống.

⇒ Kết luận nét cong, thẳng tạo ra từ một thứ. Bài học ngày hôm nay sẽ tìm hiểu về nét thẳng, nét cong.

+ Ví dụ 4: •

Hình ảnh	Câu hỏi	Đáp án
Đứng nghiêm tư thế thẳng, đưa tay lên cao.	Tư thế đứng của thầy/cô thế nào?	Thẳng
Uốn cong người về trước hoặc sau.	Tư thế đứng của thầy/cô bây giờ thế nào?	Cong

Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mới mẻ*

3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết

– GV đưa ra các hình ảnh và gợi ý quan sát, ví dụ: Thầy/cô muốn tìm nét thẳng/cong, bạn nào nhìn thấy nào?...

– Đặt nhiều câu hỏi với độ khó tăng dần cho HS.

– Tổng hợp lại thông tin bằng cách cho HS nêu ý kiến hoặc trả lời với các nét được tìm thấy trong hình minh họa và đồ dùng.

– GV có thể sử dụng một số hình thức, phương pháp dạy học theo gợi ý sau:

+ *Cách 1: Hỏi – đáp*

Đặt các câu hỏi liên quan đến hình ảnh trong bài học (phần Quan sát, nhận biết) theo dạng phát vấn/hỏi đáp:

- Nét cong trong hình ở chỗ nào?
- Em có nhìn thấy những nét cong khác không?
- Ai có thể chỉ ra một vài nét thẳng?
- Xung quanh em có nét thẳng không?

+ *Cách 2: Trò chơi tìm nét phù hợp để vẽ*

GV sẽ đưa ra một đối tượng và yêu cầu HS trả lời như sau:

Hình ảnh	Nét dùng để vẽ	Hình ảnh minh họa
Ngôi nhà	Nét thẳng	
Ngọn núi	Nét cong	
Cây cầu treo	Thẳng và cong	
Ngôi chùa	Thẳng và cong	

3.2. Hoạt động thực hành, sáng tạo

3.2.1. Tìm hiểu cách thực hành, sáng tạo

– Tổ chức HS trao đổi và phát biểu về cách vẽ các hình bằng nét thẳng, nét cong đơn giản.

– Hướng dẫn HS cách cầm bút, cách vẽ sao cho có thể vẽ được đường thẳng không dùng thước kẻ; cách vẽ nhiều nét phác để có một đường như ý muốn.

– Gọi mời HS tạo hình sản phẩm với que thẳng. GV cần chuẩn bị trước các đồ dùng vật liệu sẵn có (que tính, thước kẻ, que diêm,...).

3.2.2. Thực hành, sáng tạo

– Tổ chức cho HS sáng tạo theo nhóm. GV có thể lựa chọn cách tổ chức theo ý tưởng riêng, trên cơ sở bảo đảm mục tiêu đặt ra. Các cách lựa chọn có thể là:

- + Tập vẽ các nét thẳng, nét cong đều nhau.
- + Sáng tạo các hình ảnh bằng nét thẳng, nét cong. GV hướng dẫn dùng một loại nét trước, không phối hợp nét.
- Hướng dẫn HS tìm ý tưởng mới thông qua tổ chức các trò chơi.



Lưu ý: – Không nên đưa ra các quy trình, các mẫu theo kiểu hướng dẫn các bước thực hành.

- Trong lớp cần có sự đa dạng hoạt động.
- Có thể tạo hình với một loại nét thẳng, nét cong hoặc kết hợp cả hai kiểu nét.

3.3. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ

Để tổ chức cho HS thực hiện hoạt động này, GV cần lưu ý các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn kĩ thuật dạy học phù hợp, để HS nêu càng nhiều ý kiến càng tốt.
- Tập trung gợi mở HS chia sẻ cảm nhận của mình về sản phẩm của bản thân, của bạn trong nhóm/lớp. Liên hệ sự hiện hữu của nét thẳng, nét cong trong cuộc sống xung quanh.

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung Vận dụng

- GV gợi mở HS có thể tạo nét thẳng, nét cong với vật liệu, đồ dùng sẵn có (que kem, que tính, sợi dây,...)
- Nếu thời gian cho phép, GV có thể thị phạm minh họa, tổ chức HS làm trên lớp hoặc tự học ở nhà (nếu HS thích, mong muốn thực hiện).

Hoạt động 5: Tổng kết bài học

Tóm tắt nội dung chính:

- Nét có dạng nét thẳng, nét cong trong tự nhiên, cuộc sống và tác phẩm mỹ thuật.
- Có thể tìm thấy nét thẳng, nét cong ở xung quanh.
- Có thể sử dụng một loại nét để vẽ, tạo hình theo ý thích. Ví dụ dùng bút sáp màu dạng nét thẳng để xếp chữ.

Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo

Xem trước nội dung Bài 5 và chuẩn bị các đồ dùng như trong mục Chuẩn bị của SGK. GV cần có yêu cầu cụ thể phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn và điều kiện của vùng miền.